

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH

### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023)



### CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 118.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 08 năm 2024.)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày .../.../2024 tại:

#### TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT



- Địa chỉ: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 62 679 679 Fax: (028) 6263 8668

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN & ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

##### CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB



- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751

#### Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Nguyễn Thanh Tú  
Số điện thoại: (028) 62 679 679

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 07/2024

# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023)



## CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

<b>Tên trái phiếu:</b>	Trái phiếu BVBank phát hành ra công chúng năm 2024 – 2025
<b>- Trong đó, tên trái phiếu đợt 1</b>	Trái phiếu BVBank phát hành ra công chúng năm 2024 – 2025 (Đợt 1)
<b>Loại trái phiếu:</b>	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có đảm bảo, là Nợ thứ cấp và thỏa các điều kiện để được tính vào Vốn cấp 2 theo quy định của pháp luật hiện hành
<b>Mệnh giá:</b>	100.000 đồng/trái phiếu
<b>Tổng số lượng trái phiếu chào bán:</b>	56.000.000 (Năm mươi sáu triệu) trái phiếu
<b>- Trong đó, Đợt 1</b>	15.000.000 (Mười lăm triệu) trái phiếu
<b>Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá:</b>	5.600.000.000.000 đồng (Năm nghìn sáu trăm tỷ đồng)
<b>- Trong đó, Đợt 1:</b>	1.500.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)
<b>Kỳ hạn trái phiếu:</b>	Tối đa 08 (tám) năm kể từ ngày phát hành
<b>Kỳ hạn trái phiếu Đợt 1:</b>	06 (sáu) năm
<b>Lãi suất trái phiếu Đợt 1:</b>	7,9%/năm (lãi suất cố định năm đầu tiên), lãi suất từ năm thứ 2 là lãi suất thả nổi

## TỔ CHỨC TƯ VẤN & ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

### CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB



- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751
- Website: www.acbs.com.vn

## TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

### CÔNG TY TNHH KPMG



- Địa chỉ chi nhánh TPHCM: Tòa nhà Sun Wah, lầu 10, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3821 9266 Fax: (028) 3821 9267

### CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM



- Địa chỉ: Trung tâm Tài chính Bitexco, tầng 20, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250

## MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....	4
1. Tổ chức phát hành.....	4
2. Tổ chức tư vấn.....	4
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
1. Rủi ro về Kinh tế.....	4
2. Rủi ro về Luật pháp .....	6
3. Rủi ro đặc thù .....	6
4. Rủi ro của đợt chào bán, phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán .....	10
5. Rủi ro đối với Trái phiếu chào bán.....	10
6. Rủi ro quản trị ngân hàng.....	11
7. Rủi ro khác .....	12
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	13
1. Các khái niệm .....	13
2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	15
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	15
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	17
3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành .....	23
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành .....	24
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối .....	28
6. Giới thiệu về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành .....	29
7. Thông tin chứng khoán đang lưu hành .....	32
8. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	32
9. Thông tin về cổ đông lớn .....	52
10. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng .....	52
11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức.....	75

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại .....	76
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành .....	77
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	79
15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	79
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH:</b> .....	<b>79</b>
1. Kết quả kinh doanh.....	79
2. Tình hình tài chính.....	82
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành.....	86
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận .....	87
5. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo.....	90
<b>VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN</b> .....	<b>90</b>
1. Tên trái phiếu.....	90
2. Loại trái phiếu.....	90
3. Mệnh giá.....	91
4. Tổng số lượng trái phiếu chào bán .....	91
5. Tổng giá trị trái phiếu chào bán tính theo mệnh giá .....	92
6. Kỳ hạn trái phiếu .....	92
7. Lãi suất.....	92
8. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu .....	94
9. Giá chào bán: .....	95
10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động.....	95
11. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu .....	95
12. Mua lại trái phiếu trước hạn.....	98
13. Phương thức phân phối.....	99
14. Đăng ký mua trái phiếu .....	100

15.	Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu .....	102
16.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu.....	103
17.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ chức phát hành.....	103
18.	Các loại thuế có liên quan.....	103
19.	Thông tin về các cam kết.....	104
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	105
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	105
1.	Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu .....	105
2.	Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán Trái Phiếu .....	106
IX.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:.....	109
1.	Tổ chức kiểm toán .....	109
2.	Tổ chức tư vấn và Đại lý phân phối.....	109
X.	PHỤ LỤC.....	110

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

#### 1. Tổ chức phát hành

Tổ chức phát hành: Ngân hàng TMCP Bản Việt.

- Ông Lê Anh Tài Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ông Ngô Quang Trung Chức vụ: Tổng giám đốc.
- Ông Lý Công Nha Chức vụ: Kế toán trưởng.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

#### 2. Tổ chức tư vấn

Tổ chức tư vấn: Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

- Ông Nguyễn Đức Hoàn Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*(Theo giấy ủy quyền số 86.2/QĐ-ACBS.23 ngày 14/12/2023 của Chủ tịch HĐQT).*

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 0501/HDDV.24 ngày 05/01/2024 với Ngân hàng TMCP Bản Việt (và các phụ lục đính kèm). Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá, lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Bản Việt cung cấp.

### II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

#### 1. Rủi ro về Kinh tế

Kinh tế – xã hội năm 2023 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn. Lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn. Các biến động trong chính trị và vĩ mô thế giới có thể ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, môi trường kinh doanh và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, cụ thể:

- Xung đột Nga - Ukraine tiếp tục kéo dài đã ảnh hưởng nặng nề đến chuỗi cung ứng trên toàn cầu, khiến giá cả nhiều mặt hàng tăng cao đặc biệt là giá năng lượng, giá vàng và giá lương thực.
- Sự bất ổn của một số ngân hàng ở Mỹ, châu Âu ảnh hưởng đến niềm tin của người dân trên thế giới đối với hệ thống ngân hàng khi các ngân hàng Trung ương tiếp tục tăng lãi suất và

sử dụng chính sách thắt chặt tiền tệ hơn nữa.

- Trong nước, kinh tế năm 2023 của nước ta vẫn duy trì mức tăng trưởng phù hợp nhờ chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội và nỗ lực điều hành, quản lý vĩ mô của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ ngành và địa phương trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới, tăng trưởng nhiều quốc gia suy thoái. Tốc độ tăng GDP năm 2023 đạt 5,05% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù chỉ cao hơn tốc độ tăng của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011 – 2023 nhưng đang cho thấy dấu hiệu tích cực khi quý I tăng 3,28%, quý II tăng 4,05%, quý III tăng 5,33%, quý IV tăng 6,72%.
- Năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 28 tỷ USD (năm trước xuất siêu 12,1 tỷ USD).
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2023 ước đạt 6.231,8 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so với năm trước (năm 2022 tăng 20%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,1% (năm 2022 tăng 15,8%).

Trong năm 2024, một số rủi ro có khả năng gây ảnh hưởng đến tăng trưởng và ổn định kinh tế Việt Nam bao gồm:

#### **Các rủi ro khách quan:**

- Trong năm qua, giá nhiên liệu và thực phẩm trên thế giới đã hạ nhiệt, tuy nhiên vẫn neo tiềm ẩn nhiều rủi ro dẫn đến việc dễ chống lạm phát, các ngân hàng trung ương lớn từ Mỹ tới châu Âu đã thực hiện thắt chặt tiền tệ. Trên thực tế, nguy cơ chính trong năm 2024 không phải là lạm phát mà là suy thoái kinh tế, thất nghiệp tăng cao và thu nhập giảm sút. Điều này sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường lớn, đồng thời làm giảm FDI từ các thị trường này vào Việt Nam.
- Việc kinh tế Trung Quốc đang gặp khó khăn lớn có thể ảnh hưởng tới hoạt động thương mại và đầu tư giữa hai quốc gia bởi Trung Quốc vẫn đang giữ vững vị trí là đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam.

#### **Các rủi ro nội tại nền kinh tế:**

- Những bất ổn của thị trường trái phiếu và đóng băng của thị trường bất động sản kéo dài cũng là dấu hiệu cho thấy áp lực suy thoái sẽ tiếp tục gia tăng trong năm 2024 cho đến khi xuất hiện các cú hích đến từ chính sách nới lỏng tiền tệ và sự hồi phục của các đơn hàng đến từ thị trường xuất khẩu truyền thống của Việt Nam.
- Rủi ro chất lượng tăng trưởng thấp do tiếp tục phụ thuộc vào tích lũy các yếu tố sản xuất như vốn, lao động kỹ năng thấp, tài nguyên thiên nhiên và đặc biệt là các động lực tăng trưởng từ bên ngoài, thiếu tính bền vững và chậm được cải thiện;
- Sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa được cải thiện nhiều đặc biệt trong bối cảnh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược mới có kết quả bước đầu;
- Cải cách thể chế còn nhiều vướng mắc, thị trường tài chính phát triển thiếu cân đối; cơ sở hạ

tăng chậm được cải thiện; mức độ sẵn sàng về công nghệ và trình độ phát triển của doanh nghiệp còn thấp.

## **2. Rủi ro về Luật pháp**

Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính tiền tệ. Do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng hoàn thiện nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các TCTD tại Việt Nam, bao gồm các NHTM. Ngân hàng là một ngành kinh doanh có điều kiện và nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của NHNN và các bộ, ngành hữu quan và các thay đổi trọng yếu trong các chính sách quản lý của Nhà nước có thể làm cho hoạt động kinh doanh, triển vọng, điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành chịu ảnh hưởng.

Mặc dù các cơ quan quản lý Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này qua nhiều thời kỳ, nhưng có thể đánh giá hệ thống pháp luật về ngân hàng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các Nhà đầu tư liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Để giảm thiểu những rủi ro do luật pháp mang lại, BVBank luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng và đặt việc tuân thủ lên hàng đầu trong mọi quyết định hoạt động kinh doanh. Đồng thời, BVBank đã xây dựng các Ủy ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo dõi, cập nhật pháp luật mới, các sửa đổi, bổ sung và kịp thời rà soát, sửa đổi bổ sung quy định nội bộ để phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ và tổ chức triển khai quy định mới/thay đổi trong toàn Ngân hàng cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, trong vận hành hoạt động hỗ trợ tín dụng, BVBank đã thành lập các trung tâm quản lý và hỗ trợ tín dụng, thực hiện các thủ tục pháp lý cho các khoản cấp tín dụng và giao dịch bảo đảm. BVBank cũng đã xây dựng hệ thống biểu mẫu cho các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, cho các giao dịch với khách hàng và không ngừng rà soát định kỳ hệ thống và chuẩn hóa bộ mẫu biểu, phù hợp quy định pháp luật, an toàn cho giao dịch và phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

## **3. Rủi ro đặc thù**

### **3.1. Rủi ro về tín dụng**

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro dẫn đến tổn thất tài sản của các Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp khách hàng được cấp tín dụng không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ những cam kết đã nêu tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp chưa đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo Ngân Hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai hoặc dịch bệnh gây tác động tới toàn bộ nền



kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ của Tổ Chức Phát Hành.

### **3.2. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hoá trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm:

✓ **Rủi ro về lãi suất**

Rủi ro về lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của Ngân hàng dẫn đến khả năng BVBank phải đối mặt với sự suy giảm lợi nhuận hoặc các tổn thất liên quan đến tài sản do sự biến động của lãi suất.

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu BVBank phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập.

✓ **Rủi ro về ngoại hối**

Rủi ro về ngoại hối (rủi ro tỷ giá) là rủi ro gây ra tổn thất cho Ngân Hàng do duy trì các trạng thái ngoại tệ khi tỷ giá biến động bất lợi. Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục tài sản Nợ và tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân Hàng.

✓ **Rủi ro giá cổ phiếu**

Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của ngân hàng.

✓ **Rủi ro giá hàng hoá**

Rủi ro giá hàng hoá là rủi ro biến động bất lợi của giá hàng hoá trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hoá, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hoá của Ngân hàng.

### **3.3. Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng**

Rủi ro lãi suất luôn hiện hữu ảnh hưởng đến tất cả các ngân hàng thương mại nói chung và BVBank nói riêng, chủ yếu do sự chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản có (sử dụng vốn) và tài sản nợ (nguồn vốn) khi lãi suất thị trường biến động bất lợi. Rủi ro này sẽ gây ảnh hưởng giảm thu nhập lãi thuần và giá trị kinh tế của Ngân Hàng.

### **3.4. Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài

chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng. Rủi ro hoạt động là loại hình rủi ro trọng yếu, có phạm vi xuất hiện rộng không chỉ trong các hoạt động nội bộ của Ngân hàng mà còn nằm trong các tình huống xảy ra bên ngoài Ngân hàng và nằm ngoài sự kiểm soát của Ngân hàng nhưng có thể tác động đến Ngân hàng, rủi ro hoạt động có thể tăng lên cùng với mức độ phức tạp trong hoạt động của Ngân hàng.

Đối với BVBank, để đáp ứng chiến lược kinh doanh và phát triển ngân hàng bán lẻ, việc triển khai đầu tư mở rộng hoặc phát triển các kênh giao dịch trực tuyến là xu thế tất yếu, đi kèm với đó, các rủi ro liên quan đến rủi ro hoạt động của hệ thống CNTT sẽ có nguy cơ gia tăng hoặc phát sinh với tần suất nhiều hơn.

Ngoài ra, các rủi ro gian lận, rủi ro tác nghiệp cũng là nội dung cần chú ý khi mở rộng quy mô hoạt động cũng như gia tăng số lượng khách hàng và tần suất giao dịch.

Đây là những rủi ro liên quan đến rủi ro hoạt động mà BVBank cần chú trọng kiểm soát thường xuyên trong thời gian tới để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả.

### **3.5. Rủi ro về thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản có thể bắt nguồn từ việc BVBank không thể lường trước và dự phòng đầy đủ những giảm sút về nguồn vốn, từ đó có thể dẫn tới những ảnh hưởng bất lợi đến khả năng đáp ứng của BVBank đối với các nghĩa vụ thanh toán đến hạn.

Thời gian qua, bên cạnh việc tiếp tục tạo dựng uy tín với các khách hàng tiền gửi lớn/truyền thống, BVBank đã tích cực chú trọng gia tăng huy động vốn từ các khách hàng mới, theo đó, số dư huy động vốn tăng trưởng đều qua các năm. Đồng thời BVBank tiếp tục duy trì khối lượng tài sản có tính lỏng cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường, tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.

Bên cạnh đó, BVBank đã xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro thanh khoản phù hợp với thông lệ, xây dựng văn bản quy định về hoạt động quản lý thanh khoản, trong đó xác định rõ các công cụ quản lý thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra.

BVBank luôn đảm bảo duy trì tiền gửi tại NHNN theo quy định hiện hành về dự trữ bắt buộc, đồng thời đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi và các giới hạn về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động khác theo quy định của NHNN.

### **3.6. Rủi ro tập trung**

Rủi ro tập trung là rủi ro do BVBank có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (hoặc nhóm khách hàng có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của Ngân hàng.

BVBank giảm thiểu rủi ro này bằng cách lựa chọn thận trọng các ngành và khu vực kinh tế có tiềm năng ổn định và lâu dài. Đối với từng khách hàng trong ngành, BVBank cũng luôn đánh giá

cần trọng khách hàng vay để lựa chọn chỉ cho vay khách hàng có khả năng trả nợ tốt và có lịch sử giao dịch nhiều năm với Ngân hàng. BVBank luôn đảm bảo được việc tuân thủ các hạn mức của NHNN quy định đối với việc cho vay tập trung theo ngành trong các năm gần đây.

Kết thúc Quý 2/2024, tổng dư nợ cho vay khách hàng (hợp nhất) của BVBank là 72.600 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, động lực tăng trưởng chính đến từ cho vay cá nhân và tổ chức kinh tế, với dư nợ cho vay đạt hơn 60.000 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với cùng kỳ. Dư nợ được phân bổ cho vay đa dạng theo nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Hoạt động lâm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình; Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Xây dựng; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; Giáo dục và đào tạo và các ngành, lĩnh vực khác.

### **3.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, BVBank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này được phản ánh trên mục "Các chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán" của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng....Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro này, BVBank đã ban hành quy định cụ thể đối với các nghiệp vụ như bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, thư tín dụng..., trong đó:

- Đối với nghiệp vụ bảo lãnh: BVBank đã ban hành Quy chế bảo lãnh đối với khách hàng, trong đó: Quy định rõ các điều kiện cấp bảo lãnh, quản lý, thẩm định, xét duyệt cấp bảo lãnh, thẩm quyền ký hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, biện pháp bảo đảm; Đồng thời, quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt cấp bảo lãnh được thực hiện chặt chẽ như một khoản vay (áp dụng quy trình phê duyệt cho vay).
- Đối với nghiệp vụ phát hành thư tín dụng: Quy trình, thủ tục, thẩm quyền cấp tín dụng cũng được thực hiện tương tự như đối với khoản vay. Tuy nhiên, ngoài các nội dung yêu cầu thẩm định, đánh giá bắt buộc trong quy trình cấp tín dụng, đối với nghiệp vụ mở L/C, Bộ phận Quan hệ khách hàng sẽ chuyển hồ sơ mở L/C cho Bộ phận Thanh toán quốc tế xem xét đánh giá sự phù hợp/không phù hợp về mặt thông lệ quốc tế. Trên cơ sở ý kiến của Bộ phận Thanh toán quốc tế, Bộ phận Quan hệ khách hàng lập đề xuất đảm bảo nguồn vốn thanh toán mở L/C. Tùy trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất của Bộ phận Quan hệ khách hàng sẽ tiếp tục được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro để tiến hành độc lập phân tích rà soát, đánh giá lại toàn bộ các rủi ro liên quan, xác định mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

Ngoài ra, một phần hoặc toàn bộ các khoản mục ngoại bảng này đều có tài sản cầm cố, thế chấp (bất động sản, máy móc thiết bị, hàng hóa...) hoặc đảm bảo bằng giá trị ký quỹ với tỷ lệ tùy

thuộc vào kết quả định hạng tín dụng và chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng nhằm giảm thiểu các tổn thất do rủi ro gây ra.

#### **4. Rủi ro của đợt chào bán, phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán**

Trong đợt chào bán Trái phiếu ra công chúng lần này, BVBank không có đơn vị bảo lãnh phát hành trái phiếu nên sẽ có rủi ro về khả năng thành công của đợt chào bán trong trường hợp bán không hết số lượng trái phiếu dự kiến phát hành. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng Trái phiếu đã đăng ký, BVBank sẽ điều chỉnh kế hoạch huy động vốn phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

Nguồn vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu tăng quy mô hoạt động và vay vốn trung, dài hạn của khách hàng. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, lãi suất ...

#### **5. Rủi ro đối với Trái phiếu chào bán**

##### **Trái Phiếu không phải là khoản nợ có bảo đảm**

Nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu có thể sẽ được đáp ứng một phần từ lãi thu được từ các hoạt động kinh doanh, nguồn tiền huy động vốn từ nền kinh tế của Tổ Chức Phát Hành, cổ tức và các khoản phân chia khác mà Tổ Chức Phát Hành nhận được từ các công ty con. Tuy nhiên, nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành không được bảo đảm bằng tài sản của các công ty con cũng như bằng bất kỳ tài sản nào của Tổ Chức Phát Hành. Do đó, người sở hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền đòi thanh toán trực tiếp bằng các tài sản của các công ty con cũng như các tài sản của Tổ Chức Phát Hành, đồng thời cũng không có quyền ưu tiên hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của Tổ Chức Phát Hành.

##### **Trái Phiếu là nợ thứ cấp**

Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ nợ có tính thứ cấp của BVBank. Theo đó, trong trường hợp xảy ra các sự kiện phải thực hiện thanh lý tài sản, thanh toán các khoản nợ ... theo quy định của pháp luật, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán Trái Phiếu sau khi BVBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của BVBank. Với điều kiện này, khi xảy ra sự kiện thanh lý tài sản BVbank, đặc biệt trong bối cảnh phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được thanh toán sau chủ nợ của các khoản nợ không phải là nợ thứ cấp của BVBank và có thể sẽ không bảo toàn được vốn đầu tư vào Trái Phiếu.

##### **Lãi theo Trái Phiếu có thể bị tạm ngừng trả**

Theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và quy định của pháp luật hiện hành, Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành sẽ dự chi cho tiền lãi theo Trái Phiếu hàng năm, tuy nhiên không có gì bảo đảm rằng Tổ Chức Phát Hành sẽ không phải thực hiện quyền tạm ngừng trả lãi nếu kết quả kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành bị ảnh hưởng

nghiêm trọng bởi các yếu tố khác, trong đó có các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này. Lãi sau khi được tạm ngừng trả, sẽ được kết chuyển sang năm tiếp theo và sẽ được thanh toán theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

#### **Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp**

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường và không có gì bảo đảm rằng thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển trong tương lai. Ngoài ra, Trái Phiếu có thể được giao dịch trên thị trường với giá cao hoặc thấp hơn giá phát hành tùy thuộc vào nhiều yếu tố kể cả lãi suất áp dụng tại thời điểm đó, tình hình hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và thị trường đối với những chứng khoán tương tự.

#### **Phát hành thêm chứng khoán**

Tùy từng thời điểm, Tổ Chức Phát Hành có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức mà Tổ Chức Phát Hành cho là phù hợp, kể cả việc phát hành thêm chứng khoán nợ (với các điều khoản và điều kiện tương tự như Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này hoặc các điều khoản và điều kiện khác), phụ thuộc vào việc xin được các phê chuẩn, chấp thuận cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng việc huy động vốn theo các cách thức nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

#### **Bảo hiểm tiền gửi**

Nhà đầu tư là tổ chức nên biết rằng Trái Phiếu này không là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

#### **Lãi Trái Phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân**

Nhà đầu tư cần biết rằng các khoản thanh toán lãi của Tổ Chức Phát Hành cho người sở hữu Trái Phiếu phải chịu thuế và Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ đóng thuế đánh trên các khoản thanh toán lãi đó. Tổ Chức Phát Hành sẽ khấu trừ khoản thuế phải nộp trước khi thanh toán cho người sở hữu Trái Phiếu và nộp các khoản thuế đó cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Xem thêm phần có tiêu đề "Các loại thuế có liên quan".

#### **Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu có thể bị giới hạn theo quy định của NHNN**

Hiện chưa có quy định cụ thể nào về việc áp dụng trần lãi suất đối với trái phiếu có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do Tổ chức tín dụng và doanh nghiệp phát hành. Tuy nhiên để thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo từng thời kỳ, trong tương lai, NHNN có thể quy định mức trần lãi suất áp dụng đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành và/hoặc trái phiếu do các Tổ chức tín dụng đầu tư và không loại trừ việc quy định mới này có thể bị áp dụng hồi tố đối với các Trái Phiếu.

#### **6. Rủi ro quản trị ngân hàng**

Quản trị ngân hàng liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty trong các mối quan hệ giữa Ban TGD, HĐQT và các cổ đông của BVBank với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị ngân hàng thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ

trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích công, lợi ích của Tổ Chức Phát Hành. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như: giao dịch có nguy cơ tư lợi; lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của Tổ Chức Phát Hành phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với Tổ Chức Phát Hành. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

## **7. Rủi ro khác**

### **Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, pháp lý ở Việt Nam sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVBank**

Tốc độ tăng GDP năm 2023 đạt 5,05% so với cùng kỳ năm trước, tuy GDP tăng trưởng thấp hơn so với mục tiêu đề ra nhưng được đánh giá ở mức khá so với bình quân chung trên thế giới và khu vực, khi mà các nền kinh tế khác được dự báo là tăng trưởng ở mức rất thấp.

Trong năm 2023, kinh tế thế giới phục hồi một cách khó khăn, lạm phát dù đã qua đỉnh và dần hạ nhiệt nhưng vẫn còn ở mức cao; nhiều nước tiếp tục xu hướng thắt chặt tiền tệ, tăng nhẹ lãi suất, hoặc ít nhất cũng neo ở vùng lãi suất cao; xung đột địa chính trị kéo dài và gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; sự đổ vỡ của một số ngân hàng tại Mỹ, Thụy Sĩ làm tăng rủi ro thị trường tài chính - ngân hàng toàn cầu, rủi ro nợ xấu và vỡ nợ trên thế giới gia tăng, ngân hàng trở nên thận trọng hơn, cho vay ít đi trong khi cầu tín dụng toàn cầu thấp, làm chậm đà phục hồi kinh tế; rủi ro an ninh năng lượng, lương thực vẫn hiện hữu; giá cả, lạm phát toàn cầu còn ở mức cao, rủi ro tài chính tăng khiến tiến trình phục hồi kinh tế toàn cầu mong manh, thậm chí suy thoái nhẹ xảy ra. Những rủi ro, thách thức này còn tác động tiêu cực đến xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng, du lịch quốc tế và thị trường tài chính - tiền tệ của Việt Nam.

### **Thuế tại Việt Nam**

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung, hướng dẫn và có thể bị thay đổi do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của BVBank có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BVBank.

### **Việc xử lý tài sản liên quan đến các thủ tục phá sản có thể mất nhiều thời gian và tốn kém**

Luật phá sản của Việt Nam có thể không được thực thi dễ dàng. Để được tuyên bố phá sản, một doanh nghiệp hoặc các chủ nợ của doanh nghiệp phải có đầy đủ căn cứ chứng minh tình trạng mất khả năng thanh toán và phá sản của doanh nghiệp đó. Các quy định về vấn đề này rất phức tạp và không rõ ràng. Giả sử thẩm phán của vụ việc liên quan cho rằng có đầy đủ căn cứ để tiến hành thủ tục phá sản, thì căn cứ vào các quy định có liên quan, thẩm phán đó có thể ra quyết định về việc phục hồi hoạt động kinh doanh hoặc thanh lý tài sản của doanh nghiệp. Trong trường hợp tòa án ra quyết định phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì chỉ khi trong giai đoạn phục hồi hoạt động kinh doanh xác định không thể tái cấu trúc doanh nghiệp thì thủ tục phá sản mới chuyển sang lựa chọn thứ hai là thanh lý tài sản của doanh nghiệp đó, trong trường hợp này, chủ nợ có thể yêu cầu bán các tài sản của con nợ. Do đó, thủ tục phá sản có thể bị kéo dài trong

một thời gian dài trước khi chủ nợ có thể thu hồi nợ từ con nợ ở Việt Nam.

### **Rủi ro sự kiện bất khả kháng**

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hoả hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố ... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BVBank.

## **III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỬ VIẾT TẮT**

### **1. Các khái niệm**

Các thuật ngữ và/hoặc các cụm từ viết hoa sử dụng, trình bày trong Bản cáo bạch này sẽ có ý nghĩa như sau:

- “Ngân hàng”: là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt.
- “Nợ quá hạn”: là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn.
- “Trái Phiếu” có nghĩa là Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Bản Việt chào bán ra công chúng năm 2024 - 2025 theo 6 đợt và được gọi chung là Trái Phiếu.

Mã Trái Phiếu sẽ được VSDC cấp theo quy định hiện hành sau khi BVBank hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký tập trung tại VSDC.

- “Ngày Phát Hành” có nghĩa là ngày kết thúc việc thu tiền chào bán Trái Phiếu theo công bố của Tổ chức phát hành.
- “Ngày Đáo Hạn” có nghĩa là ngày cuối cùng của trái phiếu, ngày đến hạn thanh toán trái phiếu.
- “Kỳ Tính Lãi” có nghĩa là khoảng thời gian để xác định lại lãi suất của Trái Phiếu, định kỳ 01 (một) năm một lần kể từ Ngày Phát Hành.
- “Ngày Thanh Toán Lãi” có nghĩa là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu.
- “Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại” có nghĩa là ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu của Tổ chức phát hành. Tổ chức phát hành có thể mua lại trước hạn tối đa 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc tại ngày mua lại khác phù hợp với tình hình thực tế.
- “Ngày đăng ký cuối cùng” hoặc “Ngày chốt danh sách” có nghĩa là ngày làm việc theo thông báo của VSDC để thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán do VSDC ban hành.
- “Người Sở Hữu Trái Phiếu” hoặc “Nhà đầu tư” là người mua, hoặc nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, đã được đăng ký và có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành quản lý (trước khi Các Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu

Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC).

- “Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu” có nghĩa là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc các hình thức theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu trái phiếu
- “Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu” là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó.
- “Văn Kiện Trái Phiếu” có nghĩa là bất cứ tài liệu nào, bao gồm: Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan đến việc phát hành.
- Ngoài ra, một số từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng (và Luật sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan (nếu có).

Ngoài ra, một số từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng (và Luật sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan (nếu có).

## **2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt**

- |                        |   |
|------------------------|---|
| • UBCKNN               | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  |
| • Ngân hàng, BVBank    | Ngân hàng TMCP Bản Việt.  |
| • ĐHDCD                | Đại hội đồng cổ đông.   |
| • HDQT                 | Hội đồng Quản trị.  |
| • Ban TGD/BTGD         | Ban Tổng giám đốc.  |
| • BKS                  | Ban Kiểm soát.  |
| • HĐKD                 | Hoạt động kinh doanh.   |
| • Điều lệ              | Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bản Việt.  |
| • Tổ chức phát hành    | Ngân hàng TMCP Bản Việt.  |
| • Tổ chức tư vấn, ACBS | Công ty TNHH Chứng khoán ACB.   |
| • Đại lý phân phối     | được hiểu như là Đại lý phát hành, thực hiện phân phối trái phiếu cho nhà đầu tư và cũng chính là ACBS. |
| • NHNN                 | Ngân hàng Nhà nước.   |
| • PGD                  | Phòng giao dịch.  |
| • CN                   | Chi nhánh.  |
| • HS                   | Hội sở.   |
| • VSDC                 | Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.   |



- SGDCK Sớ Giao dịch Chứng Khoán.
- BCTC Báo cáo tài chính.
- LNTT Lợi nhuận trước thuế.
- LNST Lợi nhuận sau thuế.
- HTX Hợp tác xã.
- DNTN Doanh nghiệp tư nhân.
- CNTT Công nghệ thông tin.
- BDS Bất động sản.
- DPRR Dự phòng rủi ro.
- KHDN Khách hàng doanh nghiệp.

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP BÀN VIỆT.**
- Tên Tiếng Anh: **VIET CAPITAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK.**
- Tên viết tắt: **NGÂN HÀNG BÀN VIỆT.**
- Địa chỉ Trụ sở chính: Tòa nhà HM Town số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 03, TP. HCM, Việt Nam.
- Số điện thoại: (028) 62679679.
- Số fax: (028) 62638668.
- Website: [www.bvbank.net.vn](http://www.bvbank.net.vn)
- Giấy chứng nhận ĐKKD: 0301378892 do Sớ Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, thay đổi lần thứ 30 ngày 19/06/2023.
- Giấy phép hoạt động 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22 tháng 08 năm 1992 và Quyết định số 2276/QĐ-NHNN ngày 01/12/2023 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt.
- Vốn điều lệ: 5.016.800.000.000 đồng (Năm nghìn, không trăm mười sáu tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).
- Logo:



- Người đại diện theo pháp luật: Ngô Quang Trung – Tổng Giám đốc.
- Mã cổ phiếu: BVB.
- Sàn đăng ký giao dịch: UPCOM.
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi;
  - Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác;
  - Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; hoạt động bao thanh toán; bảo lãnh ngân hàng;
  - Chiết khấu thương phiếu, Trái phiếu và giấy tờ có giá;
  - Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép;
  - Dịch vụ cầm đồ;
  - Phát hành thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng;
  - Mua, bán Trái phiếu Chính phủ; mua bán Trái phiếu doanh nghiệp với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch và mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN;
  - Ủy thác, nhận ủy thác cho vay;
  - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan;
  - Cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
  - Dịch vụ môi giới tiền tệ;
  - Góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng khác và của doanh nghiệp;
  - Hoạt động mua nợ;
  - Cấp tín dụng dưới hình thức bao thanh toán trong nước;
  - Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
  - Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước;
  - ✓ Cung ứng phương tiện thanh toán;

- ✓ Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Mở tài khoản:
- ✓ Mở tài khoản tại Ngân hàng nhà nước.
- ✓ Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, Trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Phát hành chứng chi tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, Trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

## **2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (dưới đây được gọi là Ngân hàng Bản Việt), tiền thân là Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định, được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và giấy phép số 576/GP-UB ngày 08/10/1992 do Ủy Ban Nhân Dân TP HCM cấp.

### **• Năm 1994 - 2005: Giai đoạn vượt qua khó khăn, củng cố**

- ✓ BVBank từng bước vượt qua khó khăn, dần ổn định và phát triển trong giai đoạn từ 1994 - 2005.
- ✓ Năng lực tài chính ngày càng được nâng cao với mức vốn điều lệ tăng lên 80 tỷ đồng.
- ✓ Mạng lưới: 05 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch).

### **• Năm 2006: Bắt đầu phát triển**

- ✓ Tăng vốn điều lệ lên 210 tỷ đồng.
- ✓ Mạng lưới: 06 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 03 Phòng giao dịch).
- ✓ Khánh thành trụ sở chính tại 135 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, TP. HCM.
- ✓ Được xếp hạng 19/29 Ngân hàng thương mại trên cả nước về mức độ sẵn sàng cho phát

triển và ứng dụng công nghệ thông tin do Hội Tin học Việt Nam bầu chọn.

• **Năm 2007: Tiếp tục phát triển có định hướng.**

- ✓ Tăng vốn điều lệ lên 444,623 tỷ đồng.
- ✓ Mạng lưới: 11 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 05 Chi nhánh, 05 Phòng giao dịch).
- ✓ Ký kết Thỏa thuận đầu tư và hợp tác chiến lược với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), theo đó Vietcombank luôn duy trì tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần 30% và trở thành cổ đông chiến lược duy nhất của Ngân hàng Bản Việt, cùng những cam kết hỗ trợ toàn diện nhằm đưa Ngân hàng Bản Việt trở thành ngân hàng thương mại có khả năng cạnh tranh cao tại Việt Nam.
- ✓ Mở rộng mạng lưới hoạt động tại các thành phố lớn của các khu vực Miền Bắc, Miền Nam, Miền Tây và Tây Nguyên.
- ✓ Được Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh các HTX Việt Nam, Hội Khoa học Đông Nam Á phối hợp với mặt trận tổ quốc Việt Nam trao tặng “Cúp vàng thương hiệu và nhân hiệu” lần 2 năm 2007.
- ✓ Được Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tặng giấy khen năm 2007.
- ✓ Được Viện quản lý tri thức và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu Châu Á Thái Bình Dương, Tòa soạn thông tin QCA Thương mại chứng nhận danh hiệu doanh nghiệp Việt Nam uy tín, chất lượng 2007.

• **Năm 2008 -2009: Duy trì tăng trưởng ổn định**

- ✓ Ngày 14/02/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 444,623 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 059036 ngày 14/2/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 218/UBCK-GCN ngày 20/11/2007 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007.
- ✓ Ngày 18/12/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 059036 ngày 30/12/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 352/UBCK-GCN ngày 07/11/2008 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008.
- ✓ Mạng lưới hoạt động ngày càng mở rộng từ 05 điểm giao dịch năm 2005 (01 Trụ sở, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch) lên 28 điểm giao dịch năm 2009 (01 Trụ sở, 07 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch).
- ✓ Các cổ đông lớn của BVBank là các ngân hàng thương mại có uy tín. Ngày 18/09/2007

BVBank ký kết thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, đánh dấu bước ngoặt mới cho sự phát triển có định hướng của BVBank. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam trở thành cổ đông chiến lược đã hỗ trợ tích cực về mọi mặt trong hoạt động của BVBank: năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin ...

• **Năm 2010: Ổn định nhân sự và phát huy các thế mạnh**

- ✓ Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Chính phủ, BVBank đã hoàn thành mức vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng vào tháng 11/2010 với sự tham gia góp vốn của các cổ đông mới.
- ✓ Đồng thời, trong năm 2010 Hội đồng quản trị BVBank đã bổ nhiệm Tổng Giám đốc để ổn định hoạt động, và bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT tiếp tục duy trì, tăng cường năng lực quản trị ngân hàng trong tình hình phát triển mới. Trên cơ sở đó, BVBank cũng đã thay đổi chức danh Chủ tịch HĐQT để thực hiện bước chuyển mình trong thời gian tới.
- ✓ Nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh với các tổ chức tài chính khác thông qua việc phát triển các sản phẩm tiết kiệm, cho vay, BVBank cũng không ngừng thay đổi diện mạo tại các điểm giao dịch trên toàn quốc. BVBank đã chuyển đổi thành công Trụ sở chính về Trung tâm Quận 01, tiến hành mua bất động sản tại Trung tâm TP. Buôn Ma Thuột để chuyển địa điểm trụ sở Chi nhánh Buôn Ma Thuột, chuyển địa điểm trụ sở chi nhánh Bạch Đằng, chi nhánh Sài Gòn. Đồng thời sửa chữa và đưa vào hoạt động cho các Phòng giao dịch có vị trí thuận lợi. Kết quả thu được là các đơn vị không ngừng gia tăng hoạt động và hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao.

• **Năm 2011: Hoàn thành các bước phát triển cơ bản, nâng cao năng lực cạnh tranh**

- ✓ Hoàn tất kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng trong Quý 03, và sẽ tiếp tục tăng vốn lên theo quy định của NHNN. Chú trọng công tác đầu tư, phát triển mạng lưới, phấn đấu tăng thêm 25 - 30 điểm giao dịch mới tại các thị trường tiềm năng trong cả nước, nâng tổng số điểm giao dịch lên 60 điểm.
- ✓ Bên cạnh đó, từng bước chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, chú trọng đến công tác phòng ngừa và quản lý rủi ro. Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày một tốt hơn các nhu cầu và lợi ích của khách hàng, phấn đấu trở thành “Ngân hàng tin cậy cho kế hoạch tài chính của khách hàng”, và là một điểm đầu tư hấp dẫn cho quý cổ đông, đối tác. Xây dựng một đội ngũ lãnh đạo ngân hàng với đầy đủ phẩm chất đạo đức và trí tuệ, để chuẩn bị các bước phát triển mới trong tương lai.
- ✓ Nâng cao công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo lại và đào tạo chuyên sâu cho toàn thể cán bộ nhân viên, đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới trong năm tới nói riêng và yêu cầu phát triển và hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. Xác định rõ mục tiêu chiến lược trong năm 2011, xây dựng các giải pháp, chuẩn bị các bước đi an toàn, vững chắc, thương hiệu BVBank sẽ được nâng lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích cho quý cổ

đồng, đối tác và khách hàng. Đồng thời góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

• **Năm 2012 – 2013:**

- ✓ Giai đoạn bước ngoặt của Ngân hàng với việc đổi tên gọi từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt – Viet Capital Bank.
- ✓ Vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng.
- ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục phát triển mạnh với 39 điểm giao dịch gồm: 01 Trụ sở chính, 17 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch và 01 Quỹ tiết kiệm.
- ✓ Tổng số nhân viên là 923 nhân sự.
- ✓ Năm 2013 là năm đánh dấu những bước phát triển mạnh mẽ của BVB. Điển hình như sự vận hành thành công của hệ thống Core Banking mang đến nhiều tính năng ưu việt cho hệ điều hành quản trị và tăng cường năng lực cạnh tranh trong thời đại công nghệ, ngân hàng trực tuyến mở rộng với dự án Mobile Banking; sự gia nhập liên minh Thẻ quốc tế Visa, MasterCard ...
- ✓ Tiêu biểu: Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 200 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet bình chọn.

• **Năm 2014 – 2015:**

- ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục được mở rộng và tập trung nâng cấp toàn hệ thống với 09 Chi nhánh, Phòng giao dịch di dời và chuẩn hóa kiến trúc, 02 Chi nhánh, Phòng giao dịch thay đổi tên gọi.
- ✓ Tổng số nhân viên nâng lên 1.221 nhân sự tính đến thời điểm cuối năm 2015.
- ✓ Ngân hàng tập trung đẩy mạnh các hoạt động về quản trị hệ thống, tổ chức đội ngũ nhân sự mới. Song song đó, Ngân hàng cũng đầu tư sâu vào Công nghệ Thông tin và đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ.
- ✓ Tiêu biểu:
  - Ra mắt ứng dụng Viet Capital Mobile Banking.
  - Ký thoả thuận hợp tác phát triển giải pháp Phòng chống rửa tiền cùng Công ty Cổ phần Komtek và FircoSoft.

• **Năm 2016 – 2018:**

- ✓ Vốn điều lệ: 3.000 tỷ đồng.
- ✓ Hợp tác với tổ chức thẻ tín dụng quốc tế Visa, ra mắt thẻ Visa Bản Việt công nghệ 3D.
- ✓ Hợp tác cùng KPMG thực hiện hệ thống Phê duyệt và Khởi tạo tín dụng (LOS).
- ✓ Là một trong 10 ngân hàng đầu tiên đạt chứng chỉ quốc tế về bảo mật thẻ PCI - DSS

(Payment Card Industry Data Security Standard).

- ✓ Xây dựng mới Ngân hàng số: Mobile Banking và Internet Banking KHCN và KHDN, Tích hợp Smart OTP, mở tài khoản online.
- ✓ Mở rộng hệ sinh thái với các đối tác Fintech: Zalo Pay, AirPay, GrabPay by Moca, ...
- ✓ Hợp tác bảo hiểm phi nhân thọ cùng Bảo hiểm Bảo Long và bảo hiểm nhân thọ cùng AIA Việt Nam.
- ✓ Phát triển nhanh hệ thống mạng lưới: 70 điểm giao dịch bao gồm 1 trụ sở chính, 25 chi nhánh, 44 phòng giao dịch (tính đến cuối năm 2018).
- **Năm 2019 – 2020:**
  - ✓ Vốn điều lệ: 3.171 tỷ đồng.
  - ✓ Hợp tác với tổ chức phát hành thẻ quốc tế JCB ra mắt bộ 3 thẻ tín dụng JCB Bản Việt và tiếp tục ra mắt thẻ tín dụng Visa Corporate Bản Việt dành cho khách hàng doanh nghiệp.
  - ✓ Tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác Fintech: Momo, ZaloPay, Moca, QR Pay, AirPay, thu hộ Payoo.
  - ✓ Là ngân hàng tiên phong trong việc triển khai mở tài khoản thanh toán bằng thiết bị di động eKYC.
  - ✓ Trở thành đối tác chiến lược cung cấp nền tảng cho ngân hàng số Timo Plus.
  - ✓ Ngân hàng thứ 12 được triển khai sớm tỷ lệ an toàn vốn Basel II.
  - ✓ Chính thức lên sàn chứng khoán UPCoM (mã chứng khoán: BVB) vào tháng 09/2020.
  - ✓ Chính thức sạch nợ xấu tại VAMC.
  - ✓ Hệ thống mạng lưới: 87 điểm giao dịch bao gồm 1 trụ sở chính, 30 chi nhánh, 56 phòng giao dịch.
- **Năm 2021:**
  - ✓ Vốn điều lệ: 3.670,9 tỷ đồng.
  - ✓ Ngân hàng đã hoàn thành các dự án trọng điểm phục vụ cho việc quản trị chất lượng và hiệu quả hoạt động như dự án phân tích lợi nhuận đa chiều, lợi nhuận điều chỉnh rủi ro trên vốn RAROC.
  - ✓ Ngân hàng cũng bắt đầu triển khai các dự án hiện đại hóa và nâng cao minh bạch theo chuẩn mực quốc tế như dự án Chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS9, hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng CRM trên nền điện toán đám mây.
  - ✓ Cuối năm 2021, Ngân hàng Bản Việt triển khai thành công dự án “Mô hình phân tích lợi nhuận đa chiều” – đây là một công cụ tài chính để ghi nhận doanh thu và phân bổ chi phí, tổng hợp chuỗi giá trị theo từng chiều phân tích. Kết quả của việc triển khai mô hình này,

Ngân hàng Bàn Việt sẽ có thêm công cụ để hỗ trợ việc thực hiện các quyết định kinh doanh chiến lược liên quan đến doanh thu, chi phí, thúc đẩy lợi nhuận.

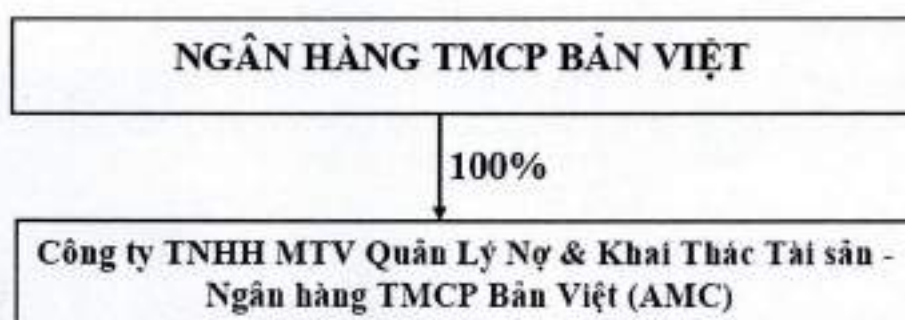
- ✓ Bàn Việt là một trong các ngân hàng đưa vào các tính năng giao dịch mới phục vụ khách hàng không cần phải đến ngân hàng như mở thẻ tín dụng online, chuyển và nhận tiền 247 bằng QR hoặc số điện thoại, vay cầm cố sổ tiết kiệm, nhiều hình thức gửi tiết kiệm để chọn lựa trên ngân hàng số Digimi.
- ✓ Hệ thống mạng lưới: 88 điểm giao dịch trên toàn quốc, bao gồm 01 Trụ sở chính, 31 chi nhánh và 56 phòng giao dịch.
- **Năm 2022 – 2023:**
  - ✓ Ngày 26/05/2023, Ngân hàng Nhà nước có quyết định số 1001/QĐ-NHNN ngày 26/05/2023 về việc chấp thuận việc sửa đổi tên viết tắt bằng tiếng Anh quy định tại giấy phép hoạt động số 0025/NH-CP ngày 22/08/1992 của thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là: BVBank.
  - ✓ Ngày 30/05/2023, Ngân hàng TMCP Bàn Việt được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bổ sung một số nội dung hoạt động tại giấy phép hoạt động bởi quyết định số 1012/QĐ-NHNN như sau:
    - Hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về lãi suất.
    - Hoạt động cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
    - Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ.
    - Lưu ký chứng khoán.
    - Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán.
    - Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.Và Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM đã cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.
  - ✓ Ngày 31/05/2023, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 3.670,9 tỷ đồng lên 4.221,5 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 29 ngày 31/05/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.
  - ✓ Ngày 19/06/2023, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 4.221,5 tỷ đồng 5.016,8 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 30 ngày 19/06/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.
  - ✓ Hệ thống mạng lưới tại thời điểm hiện tại gồm 116 điểm giao dịch trên toàn quốc, trong đó gồm 01 trụ sở chính, 38 chi nhánh, 77 phòng giao dịch.
- **Quý 2/2024:**
  - ✓ Kết thúc Quý 2/2024, Vốn điều lệ của BVBank vẫn là 5.016,8 tỷ đồng;



- ✓ Chi phí hoạt động trong 6 tháng đầu năm tăng 8,5%, lên mức 701 tỷ đồng do BVBank vẫn đang trong quá trình đầu tư mạnh mẽ vào phát triển mạng lưới, chuyển đổi thương hiệu và tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số;
- ✓ Trong 6 tháng đầu năm, thương hiệu BVBank đã hiện diện tại 10 điểm giao dịch mới, nâng tổng số điểm kinh doanh trên toàn hệ thống lên 126 đơn vị và có mặt tại 33 tỉnh thành trên cả nước. Song song với kênh truyền thống, BVBank tiếp tục gia tăng trải nghiệm khách hàng qua nhiều tiện ích mới trên ngân hàng số Digimi và Digibiz, bám sát mục tiêu phát triển mô hình bán lẻ đã đề ra.

### 3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành

#### 3.1. Sơ đồ tổ chức, bộ máy hoạt động



#### 3.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức của BVBank

Ngân hàng TMCP Bản Việt hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó BVBank là Công ty mẹ và có một (01) Công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt.

- **Công ty mẹ: Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt**
  - ✓ Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- **Công ty con: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt**

Tên công ty	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ đồng)
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	0311401011	Quản lý tài sản	100



nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng HĐQT được HĐQT quy định trong quy chế hoạt động.

#### **4.4. Ban Kiểm soát**

Là cơ quan kiểm soát mọi hoạt động của BVBank. Các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên BKS có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu Ban kiểm soát là Trưởng Ban kiểm soát. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát BVBank trong từng thời kỳ. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo cho ĐHCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Ngân hàng. Hiện tại, BKS của BVBank có 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên chuyên trách.

#### **4.5. Phòng kiểm toán nội bộ**

Phòng kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban kiểm soát, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động Kiểm toán nội bộ BVBank.

#### **4.6. Ủy ban ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, các Ủy ban và Hội đồng khác**

Các Ủy ban ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, các Ủy ban và Hội đồng khác do HĐQT thành lập, được tổ chức và hoạt động theo Quy chế do HĐQT ban hành.

#### **4.7. Ban Điều hành**

Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban điều hành, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của BVBank; giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHCĐ và HĐQT về thực hiện công việc được giao. Chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Tổng Giám đốc tuân thủ theo Điều lệ và quy định của BVBank như: quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng; kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHCĐ quyết định theo thẩm quyền; v.v.....

#### **4.8. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và/hoặc các thành viên khác do HĐQT quy định**

Có trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Đơn vị nghiệp vụ được phân công phụ trách và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và HĐQT về mọi mặt hoạt động của Đơn vị nghiệp vụ (Khối) được Tổng Giám đốc phân công phụ trách. Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của BVBank gồm có 06 thành viên.

#### **4.9. Các Đơn vị nghiệp vụ BVBank**

Các Đơn vị nghiệp vụ được tổ chức, bố trí theo từng Khối do Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối phụ trách. Một số Đơn vị nghiệp vụ có thể do Tổng Giám đốc trực tiếp phụ trách. Đứng

dầu Đơn vị nghiệp vụ thuộc Khối là Giám đốc.

#### **4.9.1 Cơ cấu tổ chức tại Trụ sở chính**

##### **a. Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Định chế**

Là đầu mối quản lý quan hệ và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến các Khách hàng pháp nhân, khách hàng cá nhân là chủ DNTN hoặc có liên quan đến Khách hàng pháp nhân theo Quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho ngân hàng.

Là đầu mối quản lý quan hệ và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến các khách hàng định chế nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho ngân hàng

##### **b. Khối Khách hàng Cá nhân**

Là đầu mối quản lý và phát triển sản phẩm dịch vụ khách hàng cá nhân, trừ khách hàng cá nhân là chủ DNTN hoặc có liên quan đến Khách hàng Pháp nhân theo Quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho ngân hàng.

##### **c. Khối Kinh Doanh Vốn**

Đảm bảo để BVBank tuân thủ các hạn mức theo luật định về thanh khoản và quy định khác. Thay mặt ALCO quản lý khả năng thanh toán ngắn hạn và rủi ro lãi suất đối với mọi đồng tiền. Thực hiện kinh doanh nhằm đem lại lợi nhuận trong phạm vi các sản phẩm được giao và những hạn mức rủi ro được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đầu mối quản lý và cung cấp sản phẩm dịch vụ ngoại hối đến các Đơn vị kinh doanh, khách hàng nhằm phát triển thị trường và gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng.

Kinh doanh các loại giấy tờ có giá được phê duyệt nhằm mục tiêu tối đa hòa lợi nhuận cho BVBank.

##### **d. Khối Quản lý Rủi ro**

Tham mưu xây dựng hệ thống quản lý rủi ro liên quan đến hoạt động tín dụng, rủi ro vận hành thị trường để hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng với lợi ích cao nhất.

Là đơn vị kiểm soát các Đơn vị trên toàn hệ thống việc tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng trong quá trình hoạt động kinh doanh.

##### **e. Khối Thẩm định Tín dụng**

Đầu mối triển khai công tác thẩm định, phê duyệt cấp tín dụng đến khách hàng theo quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ, thực hiện công tác phê duyệt hồ sơ Khách hàng vượt thẩm quyền phê duyệt của đơn vị kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của ngân hàng và chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp đến Khách hàng.

##### **f. Khối Tài chính**

Chi đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện công tác kế toán cho toàn hệ thống

trong quá trình xử lý các giao dịch.

Quản trị tài chính, quản lý tài sản nợ - tài sản có của BVBank, đề xuất cơ cấu tài sản nợ - tài sản có phù hợp với khẩu vị rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản và bám sát kế hoạch, chiến lược nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Cung cấp thông tin tài chính phục vụ công tác quản trị điều hành tại BVBank.

**g. Khối Công nghệ Thông tin**

Đơn vị chịu trách nhiệm thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin của Ngân hàng.

Chịu trách nhiệm quản lý và giám sát các dự án CNTT, giám sát và làm đầu mối triển khai các biện pháp tăng cường an toàn bảo mật cho hệ thống CNTT; ban hành và giám sát việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình do Khối CNTT soạn thảo và ban hành.

**h. Khối Vận hành**

Thực hiện tác nghiệp đối với các khoản cấp tín dụng. Ban hành quy định, quy trình quản lý tín dụng trên toàn hệ thống.

Thực hiện tác nghiệp các giao dịch kinh doanh của Khối Kinh doanh vốn và quản lý rủi ro vận hành trong quá trình xử lý các giao dịch.

Tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ chuyển tiền, thanh toán đến khách hàng và quản lý rủi ro vận hành trong quá trình tác nghiệp.

**i. Khối Hỗ trợ**

Đầu mối tham vấn cho cấp có thẩm quyền về công tác nhân sự và phát triển nguồn nhân lực trên toàn hệ thống.

Thực hiện, cung cấp các dịch vụ hành chính bao gồm văn thư, lưu trữ, hành chính, lễ tân, khánh tiết. Mua sắm, quản lý tài sản cố định, công cụ lao động, văn phòng phẩm và các vật liệu tiêu hao khác tới các phòng ban Hội Sở, Chi Nhánh, PGD trong hệ thống BVBank theo quy định của ngân hàng. Xây dựng cơ bản, mua sắm, thuê, cho thuê BĐS, thực hiện các thủ tục pháp lý về xây dựng cơ bản, mua sắm bất động sản; Thực hiện các thủ tục pháp lý và báo cáo liên quan đến công tác phát triển mạng lưới của Ngân Hàng.

**j. Các Đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc.**

**4.9.2 Chi nhánh**

- a. Phòng Quan hệ Khách hàng Cá nhân.
- b. Phòng Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp.
- c. Phòng Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs).
- d. Phòng Dịch vụ Khách hàng.
- e. Phòng Hành chính Ngân quỹ.

- f. Phòng Giao dịch đặc thù.
- g. Phòng Giao dịch trực thuộc.

**4.9.3 Các công ty trực thuộc/Liên doanh liên kết**

- a. Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản;
- b. Các Công ty trực thuộc/Liên doanh Liên kết khác: không có.

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

**5.1. Danh sách những công ty mẹ**

Không có.

**5.2. Danh sách công ty con của tổ chức phát hành**

- Tên Công ty: Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng TMCP Bản Việt (AMC).
- Giấy CNĐKKD số 0311401011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/12/2011.
- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của BVBank tại công ty con: 100%.
- Tỷ lệ biểu quyết: 100%.
- Hoạt động kinh doanh chính:
  - Tiếp nhận, quản lý các tài sản đảm bảo nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao ngân hàng theo các quyết định, bản án) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nhanh nhất.
  - Chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của ngân hàng thương mại theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.
  - Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ.
  - Các hoạt động quản lý tài sản bảo đảm khác theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt phù hợp với quy định của pháp luật.

**5.3. Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có.

**5.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức**

**phát hành**

Không có.

**6. Giới thiệu về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành**

Trong quá trình hoạt động, BVBank chưa thực hiện giảm vốn điều lệ.

Năm 1992, Ngân hàng đi vào hoạt động với mức vốn điều lệ là 5 tỷ đồng và trải qua nhiều đợt tăng vốn như sau:

**Bảng 1: Quá trình tăng vốn của Ngân hàng Bảo Việt**

*Dvt: triệu đồng*

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
Tháng 8/1992	-	5.000	Vốn ban đầu	- Giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 của NHNN
Tháng 12/1993	5.000	20.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 2, ngày 28/12/1993 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 8/2005	20.000	80.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 5, ngày 30/08/2005 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2006	80.000	166.040	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	- Văn bản số 885/NHNN-HCM02 ngày 06/07/2006 của NHNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 7, ngày 12/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2006	166.040	210.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	- Văn bản số 1803/NHNN-HCM02 ngày 26/12/2006 của NHNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 8, ngày 27/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 7/2007	210.000	322.618	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	- Văn bản số 599/NHNN-HCM02 ngày 25/04/2007 của NHNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 9, ngày 24/07/2007 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2007	322.618	444.623	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Văn bản số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007 của NHNN

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận số 218/GCN-UBCK ngày 20/11/2007 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 10, ngày 25/12/2007 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>
Tháng 2/2008	444.623	500.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 218/GCN-UBCK ngày 20/11/2007 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 11, ngày 14/02/2008 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>
Tháng 12/2008	500.000	1.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành từ thặng dư vốn cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 1668/NHNN-HCM.02 ngày 23/09/2008 và 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 352/GCN-UBCK ngày 07/11/2008 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 15, ngày 30/12/2008 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>
Tháng 11/2010	1.000.000	2.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 660/GCN-UBCK ngày 06/09/2010 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 17, ngày 11/11/2010 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>
Tháng 8/2011	2.000.000	3.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 20/07/2011 của UBCKNN</li> </ul>



Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
				- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 19, ngày 25/08/2011 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 4/2019	3.000.000	3.171.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Văn bản số 7449/NHNN-TTGSNH ngày 03/10/2018 của NHNN - Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 14/11/2018 - Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 27, ngày 25/04/2019 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 5/2021	3.171.000	3.670.900	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho người lao động (ESOP)	- Văn bản số 7706/NHNN-TTGSNH ngày 22/10/2020 của NHNN - Giấy chứng nhận số 306/GCN-UBCK ngày 17/12/2020 và văn bản số 354/UBCK-QLCB ngày 01/02/2021 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 28, ngày 12/05/2021 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 5/2023	3.670.900	4.221.529	Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu	- Văn bản số 3614/NHNN-TTGSNH ngày 30/05/2022 của NHNN - Giấy chứng nhận số 42/GCN-UBCK ngày 14/03/2023 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 29, ngày 31/05/2023 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 6/2023	4.221.529	5.016.800	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Văn bản số 3614/NHNN-TTGSNH ngày 30/05/2022 của NHNN - Giấy chứng nhận số 42/GCN-UBCK ngày 14/03/2023 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023 của Sở KHĐT TP. HCM

## 7. Thông tin chứng khoán đang lưu hành

### 7.1 Cổ phiếu phổ thông

**Bảng 2: Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSDC cung cấp tại thời điểm ngày 28/06/2024**

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>	<b>501.195.559</b>	<b>99,9034%</b>
1.1	Tổ chức	36.239.994	7,2237%
1.2	Cá nhân	464.955.565	92,6797%
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>484.441</b>	<b>0,0966%</b>
2.1	Tổ chức	0	0
2.2	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0
2.3	Cá nhân	484.441	0,0966%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>501.680.000</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

### 7.2 Cổ phiếu ưu đãi

Ngân Hàng không có cổ phiếu ưu đãi.

### 7.3 Các loại chứng khoán khác

**Bảng 3: Số lượng chứng khoán khác đang lưu hành tại ngày 30/06/2024 (\*)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá	Lãi suất /năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Ngày thực hiện quyền mua lại
BVBH2124005	1.000,0	6,0%	3 năm	17/12/2021	17/12/2024	Không mua lại
BVB123025	384,38	9,0%	6 năm	22/08/2023	22/08/2029	22/11/2024

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

## 8. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; Cho

vay ngắn hạn, trung và dài hạn; Bao thanh toán; Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và chứng từ có giá; Hùn vốn và liên doanh theo pháp luật hiện hành, làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

### **8.1. Loại sản phẩm và dịch vụ**

#### **8.1.1. Sản phẩm tiền gửi**

- Tiền gửi thanh toán cá nhân và doanh nghiệp: là loại tài khoản tiền gửi không kỳ hạn được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng, bao gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, ngoại tệ khác.
- Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi được sử dụng với mục đích hưởng lãi căn cứ vào kỳ hạn gửi, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, ngoại tệ khác.
- Tiết kiệm không kỳ hạn: là loại tài khoản được sử dụng với mục đích là gửi hoặc rút tiền mặt bất kỳ lúc nào, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, ngoại tệ khác.
- Tiền gửi có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi có kỳ hạn áp dụng cho cá nhân, tổ chức, gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, ngoại tệ khác.
- Tiết kiệm tích lũy: là hình thức tiết kiệm có kỳ hạn áp dụng cho khách hàng cá nhân, loại tiền VND, cho phép khách hàng gửi góp định kỳ hàng tháng hoặc nộp tiền tiết kiệm tích lũy trong suốt kỳ hạn gửi.
- Tiền gửi linh hoạt: Là hình thức tiền gửi có kỳ hạn, cho phép khách hàng linh hoạt chọn ngày đến hạn mong muốn, linh hoạt rút vốn theo yêu cầu.
- Chứng chỉ tiền gửi: là hình thức huy động giấy tờ có giá có kỳ hạn của Ngân hàng, loại tiền VND, khách hàng tham gia cam kết không tắt toán trước hạn khi chưa đến hạn thanh toán, được phát hành theo từng đợt tùy tình hình kinh doanh thực tế trong từng thời kỳ.

#### **8.1.2. Sản phẩm cho vay**

Cung cấp tín dụng cho các khách hàng là cá nhân hoặc doanh nghiệp nhằm phục vụ cho các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống:

- Cho vay sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.
- Cho vay sản xuất kinh doanh nông nghiệp.
- Cho vay ứng vốn linh hoạt.
- Cho vay sản xuất, thương mại và dịch vụ (ngắn hạn, trung dài hạn).
- Cho vay mua nền nhà, mua nhà.
- Cho vay mua căn hộ của các Dự án bất động sản.

- Cho vay sửa chữa, xây dựng nhà.
- Cho vay mua xe ô tô (kinh doanh, đi lại ...).
- Cho vay tín chấp đối với cán bộ công nhân viên.
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá (sổ tiết kiệm, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi ...).
- Bổ sung vốn lưu động dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và siêu nhỏ (Micro SME).
- Cấp tín dụng đầu tư tài sản cố định, đầu tư văn phòng nhà xưởng – máy móc thiết bị dành cho khách hàng doanh nghiệp.
- Sản phẩm cho vay sản xuất kinh doanh cả phê hợp tác INTIMEX.
- Thấu chi tài khoản thanh toán dành cho khách hàng doanh nghiệp.
- Cho vay đầu tư dự án.
- Cho vay bổ sung vốn lưu động - Sản phẩm tài trợ trọn gói dành cho KH SMEs.
- Cấp tín dụng công trình có vốn đầu tư công.
- Bao thanh toán ...

#### **8.1.3. Các sản phẩm dịch vụ khác**

- Dịch vụ chuyển tiền trong nước.
- Dịch vụ bảo lãnh, thu đổi ngoại tệ mặt, chuyển tiền Western Union, thanh toán quốc tế ...
- Dịch vụ Ngân hàng điện tử: Internet Banking, Mobile Banking ...
- Kinh doanh ngoại tệ, mua bán nhà qua Ngân hàng ...
- Dịch vụ chi hộ lương, Thu thuế hải quan 24/7...
- Dịch vụ Thu chi hộ tiền mặt tận nơi, thanh toán hóa đơn ...
- Dịch vụ thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ nội địa, quốc tế.

#### **8.1.4. Tỷ lệ từng loại sản phẩm dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục 2022 - 2023**

Các sản phẩm dịch vụ cốt lõi và truyền thống của Ngân hàng như: cho vay khách hàng, hoạt động dịch vụ (bao gồm dịch vụ thanh toán, đại lý, ngân quỹ, bảo hiểm và khác); kinh doanh ngoại hối; mua bán chứng khoán đầu tư ... là các sản phẩm dịch vụ đóng góp chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập thuần của BVBank.

Chi tiết tỷ lệ từng loại sản phẩm dịch vụ (SPDV) trong tổng doanh thu và tổng thu nhập thuần của BVBank trong 02 năm 2022 – 2023 và 6 tháng đầu năm 2024, cụ thể như sau:

**Bảng 4: Tỷ lệ các SPDV trong Tổng Doanh Thu (Hợp nhất)**

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng/2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập từ lãi cho vay và các khoản thu nhập tương tự	5.542	88,57%	6.939	90,79%	3.041	90,05%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	220	3,52%	236	3,09%	121	3,58%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	414	6,62%	232	3,03%	170	5,04%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	10	0,16%	126	1,65%	24	0,71%
Thu nhập từ hoạt động khác	71	1,13%	110	1,44%	21	0,62%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.257</b>	<b>100%</b>	<b>7.643</b>	<b>100%</b>	<b>3.377</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (hợp nhất)*

**Bảng 5: Tỷ lệ các SPDV trong Tổng Doanh Thu (Riêng lẻ)**

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng/2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập từ lãi cho vay và các khoản thu nhập tương tự	5.542	88,60%	6.939	90,80%	3.041	90,08%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	220	3,52%	236	3,09%	121	3,58%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	414	6,62%	232	3,04%	170	5,04%

Chi tiêu	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng/2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	10	0,16%	126	1,65%	24	0,71%
Thu nhập từ hoạt động khác	69	1,10%	109	1,43%	20	0,59%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.255</b>	<b>100%</b>	<b>7.642</b>	<b>100%</b>	<b>3.376</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (riêng lẻ)

**Bảng 6: Tỷ lệ các SPDV trong Thu Nhập thuần (Hợp Nhất)**

Chi tiêu	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng/2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập từ lãi cho vay và các khoản thu nhập tương tự	1.714	89,41%	1.479	84,27%	1.023	89,50%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	100	5,22%	54	3,08%	43	3,76%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	43	2,24%	22	1,25%	36	3,15%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	0,00%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	-5	-0,26%	122	6,95%	23	2,01%
Thu nhập từ hoạt động khác	65	3,39%	78	4,44%	18	1,58%

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng/2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.917</b>	<b>100%</b>	<b>1.755</b>	<b>100%</b>	<b>1.143</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (hợp nhất)

**Bảng 7: Tỷ lệ các SPDV trong Thu Nhập thuần (Riêng lẻ)**

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng/2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.712	89,40%	1.476	84,25%	1.021	89,48%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	100	5,22%	54	3,08%	43	3,77%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	43	2,25%	22	1,26%	36	3,16%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	-5	-0,26%	122	6,96%	23	2,01%
Thu nhập từ hoạt động khác	64	3,34%	77	4,39%	18	1,58%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1	0,05%	1	0,06%	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.915</b>	<b>100%</b>	<b>1.752</b>	<b>100%</b>	<b>1.141</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (riêng lẻ)

## 8.2. Huy động vốn

- Tình hình huy động vốn: cơ cấu huy động vốn ngày càng hợp lý hơn, BVBank không ngừng tăng cường huy động vốn từ thị trường I (huy động vốn từ các Tổ chức và dân cư), đồng thời

huy động vốn từ thị trường II ở mức hợp lý.

- Cơ cấu nguồn huy động

**Bảng 8: Nguồn vốn huy động (Hợp nhất)**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay chính phủ và NHNNVN	1.486	2,04%	-	-	298	0,36%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	11.218	15,44%	12.507	15,63%	19.023	22,89%
Tiền gửi của khách hàng	50.129	68,98%	57.139	71,40%	57.487	69,18%
Phát hành giấy tờ có giá	9.485	13,05%	10.023	12,52%	6.035	7,26%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	353	0,49%	362	0,45%	254	0,31%
<b>Tổng cộng</b>	<b>72.671</b>	<b>100%</b>	<b>80.031</b>	<b>100%</b>	<b>83.097</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (hợp nhất)*

**Bảng 9: Nguồn vốn huy động (Riêng lẻ)**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay chính phủ và NHNNVN	1.486	2,04%	-	-	298	0,36%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	11.218	15,41%	12.507	15,60%	19.023	22,86%
Tiền gửi của khách hàng	50.264	69,04%	57.274	71,44%	57.622	69,23%
Phát hành giấy tờ có giá	9.485	13,03%	10.023	12,50%	6.035	7,25%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	353	0,49%	362	0,45%	254	0,30%
<b>Tổng cộng</b>	<b>72.806</b>	<b>100%</b>	<b>80.166</b>	<b>100%</b>	<b>83.232</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (riêng lẻ)*

- Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước



**Bảng 10: Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước**

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		30/06/2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Trong nước	72.454	99,52%	79.669	99,55%	82.843	99,69%
Ngoài nước	353	0,48%	362	0,45%	254	0,31%
<b>Tổng cộng</b>	<b>72.807</b>	<b>100%</b>	<b>80.031</b>	<b>100%</b>	<b>83.097</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Ngân hàng Bản Việt*

Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng biến động kinh tế thế giới, tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, công tác huy động vốn tại các TCTD bị ảnh hưởng nhất định, trước tình hình này, BVBank đã đưa ra nhiều chính sách để phù hợp với từng thời kỳ nhằm khuyến khích tăng trưởng huy động, trong đó tập trung chú trọng tăng trưởng huy động từ các Doanh nghiệp và dân cư, đồng thời theo hướng phân tán khách hàng rộng hơn.

Huy động vốn của BVBank chủ yếu là huy động từ TCKT và dân cư trong nước, chiếm hơn 80% tổng huy động năm 2023, và xu hướng tăng qua các năm (từ 79% năm 2021 đến 84% năm 2023). Đây là nguồn vốn ổn định, tăng trưởng qua các năm, đủ để đáp ứng vốn sử dụng cho tăng trưởng tín dụng và đảm bảo thanh khoản. BVBank đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút nguồn tiền gửi từ dân cư.

### 8.3. Hoạt động tín dụng

Với mạng lưới hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam, các điểm giao dịch đặt tại các địa bàn trọng yếu, cùng với sản phẩm cho vay đa dạng, nhiều chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi phù hợp với từng đối tượng, từng nhu cầu của khách hàng, dịch vụ tín dụng khá tốt, BVBank ngày càng được người dân đặt niềm tin là những thế mạnh để BVBank tăng doanh thu, mở rộng thị phần trong thời gian qua. Bên cạnh đó, BVBank luôn chủ động, nghiêm túc thực hiện quy trình kiểm tra kiểm soát nội bộ, quan tâm và chăm sóc các khách hàng có uy tín để duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và qua đó đạt được mức tăng trưởng về dư nợ tín dụng trên cơ sở đảm bảo an toàn chất lượng của khoản vay. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên nên đã kịp thời bổ sung, chấn chỉnh các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

- Theo thời hạn:

**Bảng 11: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	31.326	61,59%	39.522	68,42%	40.067	67,24%
Nợ Trung hạn	4.591	9,03%	4.146	7,18%	4.904	8,23%

Chi tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ dài hạn	14.942	29,38%	14.100	24,41%	14.618	24,53%
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.859</b>	<b>100%</b>	<b>57.768</b>	<b>100%</b>	<b>59.589</b>	<b>100,0%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (hợp nhất)*

Tổng dư nợ cho vay của BVBank đạt mức tăng trưởng qua từng năm: tăng trưởng năm 2022 gần 9,6%, năm 2023 gần 13,6%.

- Theo nhóm nợ:

**Bảng 12: Dư nợ cho vay khách hàng theo nhóm nợ**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chi tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	48.214	94,80%	54.665	94,63%	56.421	94,69%
Nợ cần chú ý	1.226	2,41%	1.189	2,06%	919	1,54%
Nợ dưới tiêu chuẩn	149	0,29%	311	0,54%	477	0,80%
Nợ nghi ngờ	408	0,80%	584	1,01%	512	0,86%
Nợ có khả năng mất vốn	862	1,70%	1.019	1,76%	1.260	2,11%
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.859</b>	<b>100%</b>	<b>57.768</b>	<b>100%</b>	<b>59.589</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (hợp nhất)*

- **Tình hình hoạt động tín dụng**

Trong giai đoạn vừa qua, với các sản phẩm tín dụng đa dạng, nhiều chương trình ưu đãi lãi suất phù hợp với từng đối tượng vay, dịch vụ tín dụng được nâng cao, mạng lưới mở rộng đã đưa BVBank tiếp cận gần đến với khách hàng đã góp phần đẩy nhanh dư nợ cho vay của ngân hàng. Dư nợ cho vay từ năm 2019 đến năm 2021 tăng trưởng khá tốt (hơn 16%), năm 2022 do ảnh hưởng hậu quả dịch bệnh kéo theo nền kinh tế chung của thị trường khó khăn, nên tăng trưởng có phần chững lại nhưng vẫn xấp xỉ 10%. Dư nợ cho vay của BVBank trong năm 2023 là 57.768 tỷ đồng, tăng 13,6% so với năm trước; tại thời điểm cuối Quý 2/2024 dư nợ đạt 59.589 tỷ đồng, tăng nhẹ so với đầu năm.

Chất lượng tín dụng luôn được BVBank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng trong kết quả kinh doanh chung của ngân hàng.

**Bảng 13: Dư nợ cho vay qua các năm và tỷ lệ an toàn hoạt động**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
Tổng dư nợ cho vay	50.859	57.768	59.589
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	13,15%	11,33%	11,42%
Tỷ lệ nợ quá hạn	5,20%	5,37%	5,32%
Tỷ lệ nợ xấu (theo TT11)	2,41%	2,77%	3,12%
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	74,14%	72,78%	73,45%

*Nguồn: Ngân hàng Bản Việt*

**Rủi ro lãi suất và việc phân loại, trích lập DPRR tín dụng:**

Rủi ro lãi suất được BVBank thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân Hàng.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được BVBank nghiêm túc thực hiện theo các quy định của NHNN.

**Bảng 14: Số dư quỹ DPRR cho vay khách hàng của BVBank**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
Dự phòng chung	375	426	438	375	426	438
Dự phòng cụ thể	366	375	449	366	375	449
<b>Tổng cộng</b>	<b>741</b>	<b>801</b>	<b>887</b>	<b>741</b>	<b>801</b>	<b>887</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (riêng lẻ và hợp nhất)*

**8.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế**

BVBank đang triển khai thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế nhưng do nguyên nhân khách quan dẫn đến hoạt động thanh toán tín dụng thư xuất nhập khẩu và công tác chuyển tiền còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu hoạt động của BVBank. Cùng với sự phát triển về quy mô, mạng lưới hoạt động, hạ tầng công nghệ và chất lượng nhân sự ... đến nay, BVBank đã và đang cung cấp đầy đủ và đa dạng các sản phẩm cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp như thanh toán quốc tế, chuyển đổi ngoại tệ.

**Bảng 15: Doanh số kinh doanh ngoại tệ**

*Đơn vị: triệu USD*

<b>Kinh doanh ngoại tệ</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>30/06/2024</b>
Mua	21.871	24.044	13.625
Bán	21.778	23.914	13.693

*Nguồn: Ngân hàng Bản Việt*

Mối quan hệ với khách hàng truyền thống được BVBank duy trì và quan tâm phát triển, bên cạnh việc tìm kiếm khách hàng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như quảng cáo, băng rôn, tờ rơi, internet ... và liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các điểm giao dịch cũng không ngừng tăng cường khai thác tiềm năng, mở rộng thị phần thanh toán của ngân hàng. BVBank đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân hàng. Ngoài ra, BVBank cũng đã tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng.

#### **8.5. Hoạt động ngân hàng đại lý**

Hiện tại, BVBank đã thiết lập mối quan hệ thanh toán quốc tế với các Ngân hàng đại lý tại một số quốc gia như: Mỹ, Đức, Anh, Úc, HongKong, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc ... Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển quan hệ quốc tế nói chung và đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng, BVBank thường xuyên phấn đấu đổi mới, tiếp tục tăng cường quan hệ với các ngân hàng ở trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu hội nhập của Ngân hàng.

#### **8.6. Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước**

Công tác chuyển tiền trong toàn hệ thống nhanh, chính xác, hoạt động ngân quỹ an toàn, thu đúng, chi đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiền mặt cho khách hàng đã tạo được uy tín và góp phần nâng cao hình ảnh BVBank. Cùng với việc nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng chuyên môn, BVBank cũng đã mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động, nâng cấp hạ tầng công nghệ. Ngoài ra, do là thành viên của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN nên thông qua BVBank, khách hàng có thể chuyển tiền, thanh toán đến các địa phương cả nước trong thời gian ngắn nhất.

#### **8.7. Hoạt động đầu tư tài chính**

Đề đa dạng cơ cấu tài sản có, đồng thời tăng nguồn thu và tính thanh khoản cho ngân hàng, BVBank đã sử dụng một phần vốn tự có tăng lên trong năm tạm thời chưa sử dụng hết để đầu tư trái phiếu Chính Phủ, Trái phiếu của TCTD ... và các loại chứng khoán, giấy tờ có giá khác.

**Bảng 16 : Các khoản đầu tư tài chính**

*Đơn vị: tỷ đồng*

<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>30/06/2024</b>
Trái phiếu chính phủ	8.954	7.455	7.313

<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>30/06/2024</b>
Trái phiếu do TCTD khác trong nước phát hành	2.190	249	249
Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành	-	-	-
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.144</b>	<b>7.704</b>	<b>7.562</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (hợp nhất)*

### 8.8. Tài sản

**Bảng 17 : Thông tin các tài sản cố định thuộc sở hữu của BVBank (hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ đồng*

<b>Danh mục</b>	<b>31/12/2022</b>		<b>31/12/2023</b>		<b>30/06/2024</b>	
	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>693</b>	<b>441</b>	<b>764</b>	<b>472</b>	<b>798</b>	<b>479</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	224	200	247	216	247	213
Máy móc thiết bị	251	126	260	116	291	134
Phương tiện vận chuyển	160	79	189	98	191	92
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6	4	7	4	7	3
Tài sản cố định hữu hình khác	52	32	61	38	62	37
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>1.167</b>	<b>981</b>	<b>1.237</b>	<b>1.031</b>	<b>1.017</b>	<b>801</b>
Quyền sử dụng đất	846	816	883	850	658	623
Phẩm mềm máy vi tính	321	165	354	181	359	178

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (hợp nhất)*

**Bảng 18: Thông tin các tài sản cố định thuộc sở hữu của BVBank (riêng lẻ)**

*Đơn vị: tỷ đồng*

<b>Danh mục</b>	<b>31/12/2022</b>		<b>31/12/2023</b>		<b>30/06/2024</b>	
	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>693</b>	<b>441</b>	<b>764</b>	<b>472</b>	<b>798</b>	<b>479</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	224	200	247	216	247	213
Máy móc thiết bị	251	126	260	116	291	135
Phương tiện vận chuyển	160	79	189	98	192	92

Danh mục	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6	4	7	4	7	3
Tài sản cố định hữu hình khác	52	32	61	38	61	36
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>1.167</b>	<b>981</b>	<b>1.237</b>	<b>1.031</b>	<b>1.017</b>	<b>801</b>
Quyền sử dụng đất	846	816	883	850	658	623
Phần mềm máy vi tính	321	165	354	181	359	178

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (riêng lẻ)*

**Bảng 19: Thông tin về các tài sản lớn của BVBank tại thời điểm 30/06/2024**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
QSDĐ thừa đất số 554, tờ bản đồ số 3, Phường Bình An, Q.2 (TP. Thủ Đức), TP.HCM	132,542	-	132,542	100%
QSDĐ số 121, Phú Hòa, Bình Dương	97,830	21,463	76,367	78%
Quyền sử dụng đất 267 + 269 Nguyễn Văn Linh, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	92,296	-	92,296	100%
Quyền sở hữu tầng 1 đến tầng 7 tòa nhà silver Sea Tower tại 47 Ba Cu, P1, TP. Vũng Tàu	79,883	10,861	69,022	86%
Quyền sử dụng đất số CD925723, địa chỉ 66 Trần Hưng Đạo, P.5, TP.Cà Mau	70,087	-	70,087	100%
QSDĐ 143 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.4, TP.Mỹ Tho, Tiền Giang	61,521	-	61,521	100%
Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 23, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, T. An Giang	50,646	-	50,646	100%
Nhà 316 Đại lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	49,647	7,897	41,750	84%
QSDĐ Khóm 1, P.2, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	41,015	7,196	33,820	82%
QSDĐ Thừa đất số 274, tờ bản đồ 25, số 41 Trà Quý Bình, Phường 2, TP Tân An, Tỉnh Long An	36,180	-	36,180	100%

*Nguồn: Ngân hàng Bản Việt*

### **8.9. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn**

Hoạt động Quản trị rủi ro và bảo toàn vốn là một trong các vấn đề cốt lõi được BVBank đặc biệt quan tâm, mang tính trọng yếu và xuyên suốt trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Hệ thống quản lý rủi ro được BVBank chú trọng xây dựng, phát triển hướng đến các chuẩn mực quốc tế. Nhằm hạn chế tối thiểu các rủi ro và bảo toàn nguồn vốn kinh doanh, Ban điều hành Ngân hàng cùng với HĐQT xây dựng hệ thống quản lý, phân định rõ các loại rủi ro nhằm theo dõi, quản lý theo hướng chuyên môn hóa từng loại rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và thanh khoản để nắm bắt kịp thời những rủi ro có khả năng phát sinh, có biện pháp xử lý kịp thời và phù hợp. Bằng việc tổng hợp, phân tích, đánh giá các dữ liệu báo cáo quá khứ từ những năm trước, Ban Điều hành Ngân hàng cùng các Phòng ban liên quan đã chủ động được trong các tình huống rủi ro và hạn chế những rủi ro phát sinh.

Một số các giải pháp áp dụng để tăng cường phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro của BVBank đã triển khai như sau:

- Cơ cấu lại mô hình tổ chức theo hướng hiện đại để bảo đảm kiểm soát và quản lý rủi ro; thành lập các phòng quản lý rủi ro chuyên biệt bao gồm Phòng Quản lý rủi ro Tín dụng, Phòng Quản lý rủi ro Vận hành & Phòng Quản lý rủi ro Thị trường, Phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng số, chọn lựa cán bộ có đủ năng lực trình độ, phẩm chất đạo đức để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ, có cơ chế phân quyền, quy định trách nhiệm đối với cán bộ phụ trách và tác nghiệp, phù hợp với năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ đã được đào tạo thử thách và cơ sở vật chất hiện có, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn một cách tương xứng cho đội ngũ cán bộ.
- Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Phân tích các rủi ro có thể xảy ra trong từng quy trình nghiệp vụ để triển khai ngay các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro;
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Trong bất kỳ hoàn cảnh và môi trường công tác nào cũng không buông lỏng công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ mới trong công tác này để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa sai phạm, rủi ro;
- Đầu tư thích đáng về đào tạo nghiệp vụ kinh doanh phù hợp với chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế; trang thiết bị tin học viễn thông hiện đại nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật và có tính mở; chỉ ra các lĩnh vực kinh doanh mới (tiền tệ tín dụng, ngoại hối, thanh toán chuyển tiền ...) khi có khả năng phân tích và kiểm soát được rủi ro; Ngân hàng có chính sách, cơ chế, quy trình tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, đào tạo cán bộ phù hợp với từng chức năng công việc. việc không ngừng bồi dưỡng, giáo dục nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng phải được quán triệt và quan tâm thỏa đáng ở mọi cấp quản lý;
- Triển khai, áp dụng các chuẩn mực và công cụ mới trong quản lý rủi ro;
- Thực hiện việc phân loại nợ thông qua hệ thống tự động hóa, trích lập dự phòng và xử lý rủi

ro theo đúng quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước; nâng cấp hệ thống, đảm bảo việc thực hiện được chính xác và kịp thời, cải tiến hệ thống thông tin báo cáo và quản trị rủi ro;

- Ban điều hành BVBank luôn khuyến khích cán bộ ngân hàng chủ động báo cáo các tình huống phát sinh rủi ro hoặc tiềm ẩn rủi ro của Ngân hàng; sẵn sàng đối phó với những vấn đề này sinh; kiểm soát những thua lỗ; cố gắng củng cố hệ thống khi có rủi ro xảy ra. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa Ban điều hành và lãnh đạo các đơn vị để rà soát công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng.

Năm 2023, BVBank tiếp tục đẩy mạnh triển khai quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II nhằm tăng cường năng lực quản trị rủi ro:

- Nâng cao quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc tập trung hóa công tác thẩm định tín dụng, quản lý tín dụng nhằm gia tăng kiểm soát chặt chẽ ở khâu giải ngân vốn tín dụng, thẩm định giá tài sản để tăng cường quản lý chất lượng tài sản bảo đảm, triển khai nâng cấp hệ thống xếp hạng tín dụng theo đối tượng khách hàng mục tiêu;
- Xây dựng danh mục ngành nghề định hướng hoạt động tín dụng trong năm, quản lý rủi ro theo cây sản phẩm để nâng cao chất lượng tín dụng.
- Thiết lập cơ chế giám sát nợ từ xa thông qua hệ thống cảnh báo sớm nhằm theo dõi đảm bảo việc quản lý nợ được tốt hơn, hạn chế phát sinh nợ xấu;
- Xác lập các hạn mức rủi ro cho các sản phẩm tín dụng (tỷ lệ nợ quá hạn, tỷ lệ nợ xấu ...), xây dựng các hạn mức phân quyền phê duyệt cho hoạt động kinh doanh;
- Triển khai mô hình giám sát, xử lý nợ bán lẻ để đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh;
- Đối với hoạt động rủi ro vận hành, thị trường và thanh khoản, được chú trọng nhiều hơn thông qua thiết lập cơ chế cảnh báo rủi ro thị trường, xây dựng các kịch bản tình huống để kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản, xây dựng hệ thống & quy trình tự đánh giá rủi ro chốt kiểm soát (RCSA).

Vốn của BVBank được phân bổ hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh, luôn đáp ứng tỷ lệ vốn an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, để tối ưu hệ số an toàn vốn hơn nữa, BVBank cũng đang thực hiện:

- Cấu trúc lại danh mục tài sản tối ưu nhằm định hướng kinh doanh vào các lĩnh vực, tài sản có hệ số rủi ro thấp.
- Xây dựng các chính sách lãi suất cho vay dựa trên rủi ro đối tượng khách hàng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh đủ bù đắp cho mức vốn được phân bổ tương ứng;
- Phát triển sản phẩm theo gói nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tăng thu từ phí dịch vụ, bù đắp rủi ro mà vẫn cạnh tranh được với thị trường.

## **8.10. Thị trường hoạt động**

### **8.10.1. Mạng lưới chi nhánh**



- Mạng lưới hoạt động của BVBank hiện nay bao gồm: 01 Hội sở, 38 chi nhánh, 77 phòng giao dịch tại các tỉnh thành phố trong cả nước. BVBank đang từng bước củng cố mạng lưới hoạt động hiện có, phát triển thêm các điểm giao dịch mới để mở rộng mạng lưới phục vụ.
- Nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu hội nhập trên thị trường quốc tế, BVBank luôn đề ra mục tiêu và chiến lược phân đầu nhằm duy trì và phát triển thị phần khách hàng. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động của BVBank nhằm tăng khả năng tiếp cận các sản phẩm của ngân hàng đến đủ các đối tượng khách hàng trên địa bàn và khắp nơi trên cả nước.

#### **8.10.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng**

- Địa bàn hoạt động chính của BVBank hiện tại tập trung các trung tâm tài chính tại các tỉnh, thành phố lớn có nhu cầu về các dịch vụ của Ngân hàng. Các khách hàng chính của BVBank là các khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tổ chức tín dụng.
- Sau hơn 30 năm hoạt động, BVBank đã từng bước tích lũy lợi nhuận, nâng dần chất lượng của các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tìm kiếm và phát triển số lượng khách hàng của Ngân hàng. Từ đối tượng khách hàng chính của Ngân hàng là các cá nhân, tiểu thương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, BVBank còn quan tâm và mở rộng các hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các công ty liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong các khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.
- BVBank kế hoạch triển khai thêm nhiều loại hình sản phẩm và dịch vụ mới, cải tiến các sản phẩm dịch vụ hiện có, đem đến nhiều sự lựa chọn cho khách hàng, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, có chính sách ưu đãi các khách hàng giao dịch thường xuyên, khách hàng truyền thống, khách hàng có số dư tiền gửi lớn, mở rộng mạng lưới hoạt động trên khắp cả nước, nhằm định hướng phát triển BVBank trở thành một thương hiệu mạnh trong chất lượng dịch vụ khách hàng.

#### **8.10.3. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành**

Trải qua nhiều thăng trầm trong quá trình hình thành phát triển, BVBank đến nay cũng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như về tốc độ tăng trưởng về dư nợ tín dụng, vốn huy động, chỉ số lợi nhuận, bên cạnh đó BVBank cũng có một số lợi thế nhất định so với các Ngân hàng khác.

- Về nguồn nhân lực: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành của BVBank là những cán bộ có năng lực và chuyên môn ngân hàng giỏi, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Bên cạnh đó, đội ngũ CB-CNV của BVBank trẻ, năng nổ, nhiệt tình, tận tâm, ham học hỏi, hầu hết được đào tạo chính quy về các chuyên môn và nghiệp vụ.
- Hệ thống công nghệ thông tin: BVBank luôn chú trọng đầu tư triển khai hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc hỗ trợ công tác quản trị ngân hàng và phát triển

các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Trong thời gian tới, BVBank tiếp tục tăng cường năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin, mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử, hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới. Hiện tại BVBank đã đưa vào sử dụng hệ thống thông tin cung cấp số liệu một cách chính xác và kịp thời đến từng cấp quản lý, phục vụ nhu cầu truy vấn số liệu trong nội bộ ngân hàng. Ngoài ra, BVBank đã triển khai hoạt động ngân hàng số Digimi cùng nhiều dự án nâng cấp hệ thống dữ liệu và công nghệ như: giải pháp xây dựng và nâng cấp hệ thống tính toán lợi nhuận đa chiều và lợi nhuận điều chỉnh rủi ro về vốn, website mới [bvbank.net.vn](http://bvbank.net.vn), hệ thống máy giao dịch tự động thế hệ mới CRM.

- Hệ thống kiểm tra nội bộ: BVBank đã xây dựng được bộ phận kiểm tra nội bộ chuyên trách của Ngân hàng. Hệ thống kiểm tra nội bộ gồm các cán bộ có thâm niên trong ngành, kiểm tra việc thực hiện quy trình của Ngân hàng một cách độc lập, khách quan nhằm hạn chế những rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
- Nguồn khách hàng: với quy chế quản lý quy trình cấp tín dụng thông thoáng và an toàn, đảm bảo hoàn tất hồ sơ trong thời gian nhanh nhất, BVBank đã hấp dẫn được một lượng lớn các khách hàng, do vậy tỷ lệ lợi nhuận từ lãi vay của BVBank cao, đảm bảo mức thu nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh của BVBank đối với ngân hàng khác.

Trong quá trình phát triển BVBank vẫn đang thực hiện cùng cố tổ chức hoạt động với nhiều cơ hội và thách thức từ thị trường và các quy định từ NHNN (về phân loại nợ, trích lập dự phòng ...) nhưng với định hướng bám sát chiến lược phát triển, mở rộng và đa dạng hóa cơ sở khách hàng, giảm lệ thuộc vào khách hàng lớn, chuyển dịch hệ khách hàng theo hướng tập trung vào các khách hàng nhỏ lẻ, có margin cao hơn và nỗ lực kiểm soát chi phí. Kết thúc năm tài chính 2023, hoạt động của BVBank đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, như sau:

- Tổng tài sản: tăng trưởng tốt cả về quy mô và chất lượng, cuối năm 2021 đạt 76.511 tỷ, tăng 25% so với năm 2020, năm 2022 tăng hơn 3% so với năm trước và đến năm 2023 đạt 87.884 tỷ đồng tăng 11% so với năm 2022. Kết thúc Quý 2/2024, đạt 90.490 tỷ.
- Hoạt động huy động vốn: BVBank luôn duy trì tốc độ tăng trưởng nguồn vốn ổn định, từng bước cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng huy động trung dài hạn nhằm bảo đảm tính ổn định, an toàn thanh khoản, phù hợp với danh mục cho vay. Tính đến 31/12/2023, tổng nguồn vốn huy động đạt 80.031 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2022; trong đó, huy động thị trường I đạt mức 67.162 tỷ đồng, tăng trên 13% so với năm 2022. Đến 30/06/2024, tổng nguồn vốn huy động đạt 83.097 tỷ đồng, tăng 4%, tuy nhiên, huy động thị trường I giảm hơn 5% so với đầu năm.
- Hoạt động tín dụng: tập trung vào các ngành trọng yếu mà nhà nước khuyến khích, hướng đến các khách hàng tiềm năng như SME. Tăng trưởng tín dụng trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro, tăng dần tỷ trọng tín dụng bán lẻ. Dư nợ cho vay thị trường I năm 2023 đạt 57.768 tỷ tăng hơn 13% so với năm 2022 và đến 30/06/2024, dư nợ cho vay thị trường I đạt 59.589 tỷ tăng hơn 3% so với đầu năm.

- BVBank trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định. Trong năm 2023, công tác kiểm soát chặt chẽ đi kèm tăng cường xử lý nợ xấu nên chi phí dự phòng được kiểm soát tăng dưới 10% so với năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế: năm 2023, đạt 72 tỷ đồng (số hợp nhất). Tổng thu nhập thuần đạt 1.755 tỷ, giảm 8% so với năm trước. Kết thúc quý 2/2024, đạt 153 tỷ đồng.
- Trong các giai đoạn hoạt động, BVBank luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của NHNN, các chỉ số an toàn hoạt động của BVBank luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn xoay quanh mức 9% - 13%, cao hơn so với mức yêu cầu tối thiểu 8%.
- Trong giai đoạn sắp tới, BVBank tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở tăng trưởng bền vững, tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, kiện toàn bộ máy hoạt động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, gia tăng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngân hàng, mở rộng thêm mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần của Ngân hàng.

**Bảng 20: Thị phần của BVBank so với toàn ngành ngày tại thời điểm 31/03/2024**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu hợp nhất	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
BVBank	83.957	57.096	67.651
Thị phần BVBank so với toàn ngành	0,42%	0,41%	0,51%

*Nguồn: Ngân hàng Bàn Việt tổng hợp*

### 8.11. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

#### 8.11.1. Mãng khách hàng cá nhân

##### - Thẻ tín dụng

Trung tâm thẻ đang thực hiện dự án triển khai hệ thống thẻ với các sản phẩm thẻ thanh toán mới, phát triển thêm kết nối với các tổ chức thẻ quốc tế MasterCard và JCB, mở rộng hợp tác với các công ty cung cấp dịch vụ để tăng cường các tiện ích sử dụng kết hợp với thẻ nhằm mang lại cho khách hàng trải nghiệm khác biệt về sản phẩm thẻ.

##### - Sản phẩm, dịch vụ khác dành cho Khách hàng cá nhân

Mục tiêu chính trong năm 2024 của Khối KHCN là tăng trưởng Huy động và Tín dụng theo chiến lược bán lẻ hướng vào đối tượng khách hàng chính là nhóm Hộ Kinh Doanh, nhóm cho vay tín chấp và nhóm khách hàng mua nhà ở. Để làm được điều trên, Khối KHCN đã và đang tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ kết hợp với các công cụ, phương thức bán hàng chuyên nghiệp, điển hình như sau:

- ✓ Về thị trường và đối tượng khách hàng: thực hiện phát triển nhanh cơ sở khách hàng hướng vào đối tượng khách hàng tiền gửi không và có kỳ hạn; khách hàng vay nhỏ lẻ,

tiêu dùng, hộ kinh doanh và tín chấp đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp.

- ✓ Về sản phẩm: phát triển theo hướng đa dạng hoá, đáp ứng linh hoạt nhu cầu, dịch vụ theo từng phân nhóm khách hàng và đặc thù địa phương. Đặc biệt chú trọng và ưu tiên đóng gói sản phẩm và đẩy mạnh phát triển sản phẩm dịch vụ qua các kênh số hóa.
- ✓ Về kênh phân phối: đơn giản hoá quá trình tiếp cận và sử dụng sản phẩm, đẩy mạnh các kênh phân phối trực tuyến nhằm nâng cao sự tiện lợi và tiện ích cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm dịch vụ.
- ✓ Về trải nghiệm khách hàng: Rà soát hành trình khách hàng, rút ngắn thời gian và cải thiện chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.

#### **8.11.2. Mảng khách hàng doanh nghiệp**

- Khối KHDN thực hiện chiến lược phát triển khách hàng phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Phân khúc này phù hợp với năng lực phục vụ của BVBank đồng thời cũng là phân khúc mang lại sự phát triển bền vững cho Ngân hàng.
- Chủ động nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm chương trình cho vay với lãi suất hợp lý kết hợp với việc đổi mới quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục vay vốn nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay phù hợp với quy định của pháp luật, nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng.
- Về thị trường và đối tượng khách hàng: thực hiện phát triển nhanh cơ sở khách hàng đặc biệt chú trọng vào phân khúc khách hàng SME và các ngành nghề định hướng theo từng thời kỳ.
- Về sản phẩm: thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm theo hướng đáp ứng linh hoạt nhu cầu về vốn sản xuất kinh doanh của khách hàng SME, đồng thời đa dạng hoá về dịch vụ đặc biệt là dịch vụ thanh toán và bảo lãnh nhằm cung cấp trọn gói sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Phối hợp với các đơn vị kinh doanh triển khai xây dựng các sản phẩm đặc thù riêng, phù hợp cho từng địa phương, từng phân khúc khách hàng. Thúc đẩy, hỗ trợ nâng cao năng lực bán, hiệu quả và chất lượng sản phẩm.
- Về kênh phân phối: Tinh giản hoá thủ tục, hồ sơ khách hàng giao dịch bên cạnh phát triển ngân hàng số (Internet Banking, Mobile Banking ...) và hỗ trợ ứng dụng Công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, trải nghiệm và sự hài lòng cho khách hàng. Tổ chức lại mạng lưới kinh doanh SME theo hướng tập trung và chuyên môn hóa.
  - ✓ Dự án nâng cấp Mobile Banking, Internet Banking khách hàng doanh nghiệp;
  - ✓ Dự án CRM (Quản lý khách hàng).

#### **8.12. Chiến lược kinh doanh**

Trong năm 2024, BVBank tiếp tục thực hiện mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại.

Các sản phẩm huy động, tín dụng sẽ tiếp tục phát triển theo định hướng phân khúc khách hàng nhỏ lẻ, doanh nghiệp SMEs, tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ kênh ngân hàng điện tử, với chiến lược chi tiết như sau:

- Phát triển mạng lưới: tiếp tục đầu tư, thực hiện mở rộng mạng lưới và phát triển thương hiệu. Mạng lưới hoạt động của BVBank sau khi hoàn thành việc đầu tư nói trên dự kiến đến cuối năm 2024 sẽ đạt 121 điểm giao dịch trên toàn quốc.
- Khách hàng cá nhân
  - ✓ Đặt khách hàng là trọng tâm, phát triển khách hàng tại kênh truyền thống đồng thời tăng cường phát triển hệ khách hàng mới qua các kênh đối tác Fintechs, Momo, ...;
  - ✓ Huy động vốn tập trung đến trải nghiệm khách hàng lên trên hết. Từ đó, ưu tiên các sản phẩm dịch vụ, tính năng trên thiết bị di động.
  - ✓ Cơ cấu kỳ hạn để cải thiện nguồn vốn giá rẻ.
  - ✓ Mở rộng hợp tác, thúc đẩy bán các sản phẩm tín dụng trên nền tảng số với các đối tác trên cơ sở hệ thống các bộ chấm điểm tín dụng mới.
  - ✓ Mở rộng hợp tác với các đối tác để phát triển các dịch vụ thanh toán.
- Khách hàng doanh nghiệp:
  - ✓ Linh hoạt áp dụng các biện pháp như cơ cấu lại nợ, tiếp tục cho vay để đồng hành cùng Khách hàng trong giai đoạn nền kinh tế đầy khó khăn, thách thức hiện nay.
  - ✓ Phân đoạn nhỏ, định vị lại SME thông qua các sản phẩm/chương trình phù hợp với từng địa phương, từng phân khúc/phân nhóm khách hàng.
  - ✓ Ứng dụng công nghệ trực tuyến Mobile Banking, Internet Banking và cung cấp các dịch vụ trên nền tảng Open Banking để thay đổi trải nghiệm thực tế, nâng cao sự thuận tiện cho khách hàng.
- Ngân hàng số: Tiếp tục phối hợp với các đối tác Fintechs, Momo lớn để khai thác và mở rộng thị trường, nâng cao tỷ trọng thu nhập từ kênh kinh doanh ngân hàng số.

**Bảng 21: Các chỉ tiêu kinh doanh chính trong năm 2024**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ tăng trưởng
Tổng Tài sản	87.884	100.000	13,8%
Huy động khách hàng	67.162	71.286	6,1%
Dư nợ cấp tín dụng	57.768	65.937	14,1%
Lợi nhuận trước thuế	72	200	177,8%

Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ tăng trưởng
Tỷ lệ nợ xấu (tính theo TT11)	2,77%	<3%	
Phát triển mạng lưới	116	131	12,9%

*Nguồn: Ngân hàng Bàn Việt*

Nguồn vốn và nguồn lực của BVBank đều được triển khai đồng bộ nhằm tăng cường tối đa trên cả 3 khía cạnh như sau:

- **Đối với nguồn vốn:** với mục tiêu nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn hoạt động và tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 như sau:
  - Vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn thành Phương án triển khai kế hoạch tăng vốn năm 2023: 5.518 tỷ đồng
  - Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm năm 2024: gần 900 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 8:1 và ESOP.
- **Đối với nguồn lực nhân sự:** BVBank xây dựng chiến lược nhân sự và hoàn thiện mô hình tổ chức nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực cả về số lượng và chất lượng để thực hiện chiến lược và mục tiêu kinh doanh của BVBank, đảm bảo hiệu quả hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như thông lệ quốc tế. Số cán bộ công nhân viên tại thời điểm 31/12/2023 là 2.561 nhân viên, tăng tương ứng 1% so với cùng kỳ năm 2022 (35 nhân viên).

#### 9. Thông tin về cổ đông lớn

BVBank hiện không có cổ đông lớn.

#### 10. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

##### 10.1. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị

##### 10.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên:	LÊ ANH TÀI
Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	25/02/1972.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM.
Kinh nghiệm công tác:	
• 1991 – 04/1995	Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

- 04/1995 – 10/1996 Nhân viên kế toán, kế toán trưởng Công ty Lê Nhân.
  - 11/1996 – 03/2001 Chuyên viên tín dụng, tổ trưởng tổ tiếp thị kiêm Tổ trưởng tổ định giá tài sản Ngân hàng TMCP Tân Việt.
  - 04/2001 – 06/2002 Chuyên viên Phòng KSNB Hội sở chính Ngân hàng TMCP Á Châu.
  - 07/2002 – 05/2003 Chuyên viên Phòng tín dụng doanh nghiệp Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – CN TP.HCM.
  - 06/2003 – 02/2007 Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư Hội sở, Giám đốc CN Tân Bình, Bến Thành và Tân Định Ngân hàng TMCP Nam Á.
  - 03/2007 – 04/2010 Giám đốc Khối kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa (Thái Bình Dương).
  - 05/2010 – 10/2011 Phó Ban Tái cơ cấu Ban Tái cơ cấu Ngân hàng TMCP Việt Hoa.
  - 05/2012 – 08/2012 Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long.
  - 08/2012 – 04/2013 Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 05/2013 – nay Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.
- Số cổ phần nắm giữ: 14.372.299 cổ phần, chiếm 2,8648% vốn điều lệ, trong đó:
- Sở hữu cá nhân: 14.372.299 cổ phần, chiếm 2,8648% vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Bà Huỳnh Thanh Phương (Vợ) nắm giữ 230 cổ phần, chiếm 0,000045%.
- Lợi ích liên quan đối với BVBank:
- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 30/06/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Anh Tài	Chủ tịch HĐQT	Tiền gửi/Tiết kiệm	291	2022		Số dư tại 31/12/2022
			728	2023		Số dư tại 31/12/2023
			291	2024		Số dư tại 30/06/2024

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản	Lợi ích khác	
	Năm 2023 (triệu đồng)	ESOP
2.380	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CDHH

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có.

#### 10.1.2. Thành viên thường trực HĐQT

Họ và tên: **NGUYỄN THANH PHƯƠNG.**

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 20/03/1980.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học International University in Geneva, Cử nhân kinh tế Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Kinh nghiệm công tác:

- 10/1997 – 7/2001 Sinh viên Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội.



- 10/2001 – 12/2003 Sinh viên Đại học International University in Geneva.
- 4/2004 – 5/2006 Phó Giám đốc tài chính Công ty Holcim Vietnam Ltd.
- 6/2006 – 8/2007 Giám đốc đầu tư Vietnam Holding Asset Management.
- 10/2007 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bàn Việt.
- 11/2007 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bàn Việt.
- 5/2007 – nay Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Bàn Việt.
- 2/2012 – nay Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bàn Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:

Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bàn Việt.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác
- Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bàn Việt.  
 Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bàn Việt.  
 Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Bàn Việt.

Số cổ phần nắm giữ: 22.866.665 cổ phần, chiếm 4,558% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 22.866.665 cổ phần, chiếm 4,558% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 30/06/2024:

STT	Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thanh Phượng	Thành viên thường trực HĐQT	Mua giấy tờ có giá	-	2022	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2022
				-	2023	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2023

				-	2024	Ban TGD	Số dư tại 30/06/2024
			Tiền gửi/Tiết kiệm	298.314	2022		Số dư tại 31/12/2022
				272.728	2023		Số dư tại 31/12/2023
				267.354	2024		Số dư tại 30/06/2024
2	Công ty CP Goodday Hospitality	Bà Nguyễn Thanh Phượng là cổ đông lớn và thành viên HĐQT của Công ty	Cho vay	72.148	2022	HDQT	Số dư tại 31/12/2022
				95.379	2023	HDQT	Số dư tại 31/12/2023
				101.574	2024	HDQT	Số dư tại 30/06/2024
			Tiền gửi/Tiết kiệm	47.474	2022		Số dư tại 31/12/2022
				48.306	2023		Số dư tại 31/12/2023
				121.407	2024		Số dư tại 30/06/2024
3	Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	Bà Nguyễn Thanh Phượng là cổ đông lớn và thành viên HĐQT của Công ty	Số dư của BVB tại CTCP Chứng khoán Bản Việt	930	2022	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2022
				2.927	2023	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2023
				32.269	2024	Ban TGD	Số dư tại 30/06/2024
			Tiền gửi/Tiết kiệm của CTCP CK Bản Việt tại BVB	423.749	2022		Số dư tại 31/12/2022
				43.825	2023		Số dư tại 31/12/2023
				125.958	2024		Số dư tại 30/06/2024
4	Công ty CP BDS Bản Việt	Bà Nguyễn Thanh Phượng là thành viên HĐQT của Công ty	Tiền gửi/Tiết kiệm	599	2022		Số dư tại 31/12/2022
				620	2023		Số dư tại 31/12/2023
				1.814	2024		Số dư tại 30/06/2024
5	Công ty CP Quản lý quỹ	Bà Nguyễn Thanh	Tiền gửi/Tiết kiệm	47.378	2022		Số dư tại 31/12/2022

	Đầu tư chứng khoán Bàn Việt	Phượng là Chủ tịch HĐQT của Công ty		47.629	2023	Số dư tại 31/12/2023
				20.537	2024	Số dư tại 30/06/2024
6	Công ty TNHH Phoenix Holdings	Bà Nguyễn Thanh Phượng là cổ đông lớn và thành viên HĐQT của Công ty	Tiền gửi/Tiết kiệm	3.779	2022	Số dư tại 31/12/2022
				2.526	2023	Số dư tại 31/12/2023
				5.437	2024	Số dư tại 30/06/2024

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản	Lợi ích khác	
	ESOP	Thưởng cổ phiếu
Năm 2023 (triệu đồng)		
1.936	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CĐHH

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có.

### 10.1.3. Thành viên HĐQT

#### a. Ông Ngô Quang Trung

Họ và tên: **NGÔ QUANG TRUNG.**  
 Giới tính: Nam.  
 Ngày tháng năm sinh: 10/12/1973.  
 Quốc tịch: Việt Nam.  
 Trình độ học vấn: 12/12  
 Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ thương mại, chuyên ngành Quản lý Quỹ Đại học

New South Wales, Sydney Úc, Cử nhân ngân hàng Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Kinh nghiệm công tác:

- 08/1995 – 11/2000 Cán bộ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- 12/2000 – 04/2003 Phó phòng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- 05/2004 – 09/2007 Trưởng phòng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- 10/2007 – 06/2009 Phó Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- 2007 – 2010 Ủy viên HĐQT, chủ tịch HĐQT, đại diện phần vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Gia Định (nay là Ngân hàng TMCP Bản Việt).
- 07/2009 – 12/2012 Giám đốc Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- 01/2013 – 01/2014 Tư vấn cao cấp về tài chính – ngân hàng Công ty TNHH Luật Bách Khoa.
- 01/2014 – 03/2015 Phụ trách khu vực Công ty Quản lý rủi ro doanh nghiệp BlackIce (Canada).
- 4/2015 – 03/2016 Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 03/2016 – nay Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 15.680.000 cổ phần, chiếm 3,125% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 15.680.000 cổ phần, chiếm 3,125% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công

ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 30/06/2024):

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Ngô Quang Trung	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	2.763	2022		Số dư tại 31/12/2022
			204	2023		Số dư tại 31/12/2023
			1.103	2024		Số dư tại 30/06/2024

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2023 như sau:

Tiền lương	Lợi ích khác	
	ESOP	Thưởng cổ phiếu
Năm 2023 (triệu đồng)		
4.589	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CĐHH

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có.

**b. Ông Nguyễn Nhật Nam**

Họ và tên: **NGUYỄN NHẬT NAM.**

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 26/09/1981.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Năng lực chuyên môn: Cử nhân công nghệ thông tin, Cử nhân kinh tế.

Kinh nghiệm công tác:

- 09/1999 – 09/2011 Sinh viên Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên TP HCM, chuyên ngành Công nghệ thông tin.

- 09/2001 – 09/2005 Sinh viên Trường Đại Học Kinh Tế TPHCM, chuyên ngành Quản trị kinh doanh (Thương mại).
  - 09/2005 – 12/2006 Nhân viên Cty Bia Rượu NGK Sài Gòn - CN Cà Mau.
  - 12/2006 – 09/2009 Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.
  - 09/2009 – 07/2010 Tổ trưởng tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.
  - 07/2010 – 10/2011 Quản lý điều hành Quỹ tiết kiệm Lữ Gia - CN Thống Nhất – Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.
  - 11/2011 – 12/2011 Phó phòng phụ trách tín dụng-Ngân hàng TMCP Gia Định.
  - 12/2011 – 05/2012 Giám đốc Quản lý điều hành Trung tâm kinh doanh Ngân hàng TMCP Bàn Việt.
  - 05/2012 – 07/2015 Giám đốc Khối phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Bàn Việt.
  - 07/2015 – 06/2020 Giám đốc Khối thẩm định tín dụng Ngân hàng TMCP Bàn Việt.
  - 06/2020 – nay Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bàn Việt.
  - Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bàn Việt.
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.
- Số cổ phần nắm giữ: 5.002.836 cổ phần, chiếm 0,997% vốn điều lệ.
- Sở hữu cá nhân: 5.002.836 cổ phần, chiếm 0,997% vốn điều lệ.
  - Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Bà Trần Thị Đăng Ngọc (Vợ) nắm giữ 5.262.960 cổ phần, chiếm 1,05%.

**Lợi ích liên quan đối với BVBank**

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2023 đến hết ngày 30/06/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Nguyễn Nhật Nam	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/Tiết kiệm	55	2022		Số dư tại 31/12/2022
			1.657	2023		Số dư tại 31/12/2023
			1.444	2024		Số dư tại 30/06/2024

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCD và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản	Lợi ích khác	
	Năm 2023 (triệu đồng)	ESOP
1.489	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CDHH

- Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.
- Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có.

#### 10.1.4. Thành viên độc lập HĐQT

- Họ và tên: **PHẠM QUANG KHÁNH.**
- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 20/05/1985.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Bedfordshire (UK).
- Kinh nghiệm công tác:
- 04/2003 đến 02/2007: Sinh viên Trường Bách Khoa Singapore.
  - 02/2007 đến 03/2009: Chuyên viên kỹ thuật Cty Trans Infotech Việt Nam.
  - 04/2009 đến 12/2010: Chuyên viên kỹ thuật Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.

- 12/2010 đến 07/2011 Chuyên viên Phòng kinh doanh Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.
  - 07/2011 đến 04/2012 Chuyên viên Văn phòng đại diện Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.
  - 05/2012 đến 03/2015 Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.
  - 04/2015 đến 05/2015 Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM Cty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc Gia Việt Nam(Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink sáp nhập vào).
  - 06/2015 đến 06/2016 Học Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Bedfordshire (UK).
  - 07/2016 đến 12/2016 Chuyên viên Văn phòng Đại diện TPHCM (Quay lại làm việc sau 01 năm học Thạc sỹ.
  - 01/2017 đến nay Thành viên độc lập HĐQT - Ngân hàng TMCP Bản Việt.  
 Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM - Cty CP Thanh toán Quốc gia Việt Nam.
  - Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM - Cty CP Thanh toán Quốc gia Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

**Lợi ích liên quan đối với BVBank**

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2023 đến hết ngày 30/06/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/Tiết kiệm	6	2022		Số dư tại 31/12/2022
			4	2023		Số dư tại 31/12/2023
			29	2024		Số dư tại 30/06/2024



- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản	Lợi ích khác	
	Năm 2023 (triệu đồng)	ESOP
300	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không.  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.  
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.  
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có.

## 10.2. Thông tin Ban Tổng Giám đốc

### 10.2.1. Tổng Giám đốc

Họ và tên: **NGÔ QUANG TRUNG.**

Thông tin chi tiết đã được trình bày tại phần 10.1.3. Hội đồng quản trị.

### 10.2.2. Phó Tổng Giám đốc

#### a. Bà Văn Thành Khánh Linh

Họ và tên: **VĂN THÀNH KHÁNH LINH**  
Giới tính: Nữ.  
Ngày tháng năm sinh: 1979.  
Quốc tịch: Việt Nam.  
Trình độ học vấn: 12/12  
Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - trường đại học Thương mại quốc tế tại Geneva, Thụy Sĩ  
Kinh nghiệm công tác:  

- 04/2002 - 09/2004: Chuyên viên Pháp lý Tổng Công ty XDCTGT 5 – Chi nhánh Miền Nam.
- 09/2004 - 03/2007: Chuyên viên Pháp lý Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.
- 03/2007 - 10/2008: Chuyên viên Pháp lý Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- 10/2008 - 07/2009: Trưởng Bộ phận Pháp chế Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- 07/2009 - 06/2010: Phó Phòng Pháp lý và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- 07/2010 - 02/2013: Trưởng phòng Pháp lý và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- 03/2013 - 12/2013: Trưởng phòng Pháp chế - Tuân thủ Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 01/2014 - 07/2015: Giám đốc Khối Quản lý rủi ro & Kiểm soát tuân thủ Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 08/2015 - 14/06/2023: Giám đốc Khối Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 15/06/2023 - Nay: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

- Số cổ phần nắm giữ: 5.749.530 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 1,146%), trong đó:
- Sở hữu cá nhân: 5.749.530 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 1,146%).
  - Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

**Lợi ích liên quan đối với BVBank:**

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến hết ngày 30/06/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Văn Thành Khánh Linh	Phó TGD	Tiền gửi/Tiết kiệm	3.807	2023		Số dư tại 31/12/2023
			3.936	2024		Số dư tại 30/06/2024
		Mua giấy tờ có giá	1.100	2023		Số dư tại 31/12/2023
			500	2024		Số dư tại 30/06/2024

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân

hàng.

Tiền lương	Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	ESOP	Thưởng cổ phiếu
766,58	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CĐHH

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có.

**b. Ông Phan Việt Hải**

Họ và tên: **PHAN VIỆT HẢI.**

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 1979.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật điện và máy tính, đại học RMIT – Úc.

Kinh nghiệm công tác:

- 12/2001 – 02/2004: Phó Phòng CNTT Sở Khoa học Công nghệ Tp. HCM.
- 02/2004 – 06/2005: Quyền Trưởng Phòng CNTT Sở Thông tin và Truyền thông Tp. HCM.
- 03/2007 – 06/2010: Trưởng Phòng Tư vấn CNTT KPMG Việt Nam.
- 06/2010 – 11/2012: Trưởng Phòng cao cấp Kiểm soát CNTT và Quản lý tài sản CNTT Bảo hiểm Prudential Việt Nam.
- 11/2012 - 12/2013: Trưởng Phòng Quản lý dự án Ngân hàng TMCP Bán Việt.
- 01/2014 - 07/2016: Trưởng Phòng Hạ tầng Ngân hàng TMCP Bán Việt.
- 07/2016 - 14/06/2023: Giám đốc Khối Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Bán Việt.
- 15/06/2023 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bán Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bán Việt.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 7.502.110 cổ phiếu (chiếm 1,495%).

- Sở hữu cá nhân: 7.502.110 cổ phiếu (chiếm 1,495%).
- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến hết ngày 30/06/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Phan Việt Hải	Phó TGD	Tiền gửi/Tiết kiệm	4.033	2023		Số dư tại 31/12/2023
			1.725	2024		Số dư tại 30/06/2024

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

Tiền lương	Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	ESOP	Thưởng cổ phiếu
1.058,22	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CDHH

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có.

**c. Ông Nguyễn Thanh Tú**

Họ và tên: NGUYỄN THANH TÚ

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 1983.

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài Chính Quốc Tế, đại học Leeds Beckett - Vương Quốc Anh.
- Kinh nghiệm công tác:
- 05/2007 - 04/2009: Nhân viên Văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định.
  - 04/2009 – 01/2012: Trưởng Văn phòng kiêm Thư ký HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định.
  - 01/2012 - 04/2016: Trưởng Văn phòng kiêm Thư ký HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 04/2016 - 06/2019: Trưởng văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 06/2019 - 14/06/2023: Giám đốc Khối Hỗ trợ Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 15/06/2023 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
  - Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ (đến hiện tại): 6.747.361 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 1,345%), trong đó:
- Sở hữu cá nhân: 6.747.361 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 1,345%).
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu.
- Sở hữu của người có liên quan: Bà Nguyễn Trần Thanh Trúc (chị ruột) sở hữu 3.833.332 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,76%.

**Lợi ích liên quan với BVBank:**

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến hết ngày 30/06/2024:

ST T	Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Tú	Phó TGD	Tiền gửi/Tiết kiệm	3.108	2023		Số dư tại 31/12/2023

				3.104	2024		Số dư tại 30/06/2024
2	Công ty cổ phần Gold Coast Retail	Đại diện pháp luật	Tiền gửi/ Tiết kiệm	83	2023		Số dư tại 31/12/2023
				80	2024		Số dư tại 30/06/2024
3	Công ty cổ phần Seven System Việt Nam	Cổ đông sáng lập	Tiền gửi/ Tiết kiệm	31.831	2023		Số dư tại 31/12/2023
				16.713	2024		Số dư tại 30/06/2024
			Cho vay	83.911	2023	HĐQT	Số dư tại 31/12/2023
				68.169	2024	HĐQT	Số dư tại 30/06/2024

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

Tiền lương	Lợi ích khác	
	Năm 2023 (triệu đồng)	ESOP
755,78	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CĐHH

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.  
 Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có.

**d. Ông Lê Văn Bé Mười**

Họ và tên: **LÊ VĂN BÉ MƯỜI.**  
 Giới tính: Nam.  
 Ngày tháng năm sinh: 10/03/1972.  
 Quốc tịch: Việt Nam.  
 Trình độ học vấn: 12/12  
 Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính trường Đại học Cần Thơ.  
 Kinh nghiệm công tác:  
 • 09/2006 – 10/2012: Phó Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – CN An Giang.  
 • 11/2012 – 10/2013: Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Kỹ thương – CN An Giang.  
 • 11/2013 – 04/2017: Giám đốc khu vực Tây Nam Bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt.

- 05/2017 – Đến nay Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 5.921.479 cổ phần, chiếm 1,18% vốn điều lệ.

- Sở hữu cá nhân: 5.921.479 cổ phần, chiếm 1,18% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

**Lợi ích liên quan đối với BVBank**

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến hết ngày 30/06/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Văn Bé Mười	Phó TGD	Tiền gửi/Tiết kiệm	53	2022		Số dư tại 31/12/2022
			62	2023		Số dư tại 31/12/2023
			864	2024		Số dư tại 30/06/2024

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

Tiền lương	Lợi ích khác	
	Năm 2023 (triệu đồng)	ESOP
2.327,11	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CDHH

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người

nội bộ của TCPH: Không có.

### 10.3. Thông tin Ban Kiểm soát

#### 10.3.1. Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **PHAN THỊ HỒNG LAN.**  
Giới tính: Nữ.  
Ngày tháng năm sinh: 07/11/1967.  
Quốc tịch: Việt Nam.  
Trình độ học vấn: 12/12  
Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.  
Kinh nghiệm công tác:

- 1986 – 1990 Sinh viên Trường Đại học Kinh tế.
- 1990 – 1995 Kế toán tổng hợp Trung tâm kỹ thuật chất dẻo.
- 1995 – 1997 Kế toán công nợ Công ty Sữa Dutch Lady.
- 1997 – 2007 Kế toán tổng hợp Cty LD American Home.
- 2007 - 3/2013 Kế toán trưởng Cty CP QLQ ĐTCK Bàn Việt.
- 2011 - 3/2013 Kế toán trưởng Cty CP Pi Capital.
- 2010 - 3/2013 Kế toán trưởng Cty TNHH Giáo dục Bàn Việt.
- 4/2013 - đến nay Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bàn Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bàn Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.

Số cổ phần nắm giữ: Không có.  
Sở hữu của người có liên quan: Không có.

#### Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS đến hết ngày 30/06/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
-----	-------------	-----------------------------	---	---------------------	------------------------------	---------



Bà Phan Thị Hồng Lan	Trưởng BKS	Tiền gửi/ Tiết kiệm	219	2022	Số dư tại 31/12/2022
			918	2023	Số dư tại 31/12/2023
			478	2024	Số dư tại 30/06/2024

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

Thù lao	Lợi ích khác	
	ESOP	Thưởng cổ phiếu
Năm 2023 (triệu đồng)	ESOP	Thưởng cổ phiếu
965,05	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có.

#### 10.3.2. Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **LÊ HOÀNG NAM.**

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 07/10/1974.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Năng lực chuyên môn: Cử nhân Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng.  
 Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.

Kinh nghiệm công tác:

- 1992 – 1995: Sinh viên Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng.
- 4/1996 - 6/2009: Chuyên viên Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh TP. HCM.
- 7/2009 - 7/2012: Kiểm toán nội bộ Cty tài chính dầu khí Việt Nam – CN TP. HCM.
- 8/2012 - 01/2013: Chuyên viên Phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Bản Việt.

- 01/2013 - 3/2014 Phó phụ trách kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 04/2014 – đến nay Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.

Số cổ phần nắm giữ: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS đến hết ngày 30/06/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Hoàng Nam	Thành viên BKS	Tiền gửi/Tiết kiệm	42	2022		Số dư tại 31/12/2022
			2	2023		Số dư tại 31/12/2023
			22	2024		Số dư tại 30/06/2024

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

Thù lao	Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	ESOP	Thưởng cổ phiếu
298,14	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có.

### 10.3.3. Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THANH THÚY.**

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 31/01/1973.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP HCM.

Kinh nghiệm công tác:

- 10/1992-12/1996 Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP HCM.
- 12/1996-07/2004 Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định.
- 07/2004-07/2006 Phụ trách Kế toán Phó CN Đa Kao -Ngân hàng TMCP Gia Định.
- 03/2012-12/2013 Phó giám đốc CN Hàng Xanh- Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 12/2013-10/2014 Trưởng phòng kế toán Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 10/2014-10/2015 Phó giám đốc phụ trách Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 10/2015- 08/2020 Giám đốc Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- 08/2020- đến nay Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.

Số cổ phần nắm giữ: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

**Lợi ích liên quan đối với BVBank:**

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS đến ngày 30/06/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên	Tiền gửi/ Tiết kiệm	6	2022		Số dư tại 31/12/2022

Thuý	BKS		1.579	2023		Số dư tại 31/12/2023
			1.587	2024		Số dư tại 30/06/2024

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

Thù lao	Lợi ích khác	
	ESOP	Thưởng cổ phiếu
Năm 2023 (triệu đồng)		
491,78	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người  
 nội bộ của TCPH: Không có.

#### 10.4. Kế toán trưởng

Họ và tên: **LÝ CÔNG NHA.**

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 01/11/1967.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

Kinh nghiệm công tác:

- 04/1994 – 07/2006: Trưởng Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cà Mau.
- 08/2006 – 08/2009: Trưởng Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Phú Thọ.
- 09/2009 – 03/2010: Trưởng Phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định.
- 03/2010 – 03/2011: Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Gia Định.
- 04/2011 – 03/2017: Phó GD CN Ngân hàng BD Liên Việt – CN Chợ Lớn.
- 03/2017 – Đến nay: Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bản Việt.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 5.418.517 cổ phần, chiếm 1,08% vốn điều lệ.

- Sở hữu cá nhân: 5.418.517 cổ phần, chiếm 1,08%.
- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến ngày 30/06/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lý Công Nha	Kế toán trưởng	Tiền gửi/Tiết kiệm	2.624	2022		Số dư tại 31/12/2022
			1.231	2023		Số dư tại 31/12/2023
			1.230	2024		Số dư tại 30/06/2024

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

Tiền lương	Lợi ích khác	
	Năm 2023 (triệu đồng)	ESOP
1.475,36	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CĐHH

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có.

#### 11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức

- Ngân hàng sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa

vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.

- Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHCĐ quyết định trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

**Bảng 22: Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm**

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Tỷ lệ cổ tức (%)	0	0

*Nguồn: Ngân hàng Bản Việt*

**12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại**

Các trái phiếu do BVBank phát hành trong 03 năm liên tục (từ năm 2021 đến năm 2023) và đến thời điểm 30/06/2024, BVBank luôn thực hiện thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn (bao gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu đến hạn); đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của trái phiếu, cụ thể như sau:

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Giá trị đang lưu hành (theo mệnh giá)	Kỳ trả lãi (*)	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Thanh toán lãi			Thanh toán gốc		
									Số tiền phải thanh toán	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế	Số tiền phải thanh toán	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế
1	BVB121034	7,00	30/12/2021	30/12/2028	819,13	-	1	30/12/2022	69,63	69,63	30/12/2022			
								30/03/2023	17,17	17,17	30/03/2023	819,13	819,13	30/03/2023
2	BVBLH2128001	7,00	02/08/2021	02/08/2028	50,00	-	1	02/08/2022	3,80	3,80	02/08/2022			
								02/11/2022	0,96	0,96	02/11/2022	50,00	50,00	02/11/2022
3	BVBLH2128002	7,00	05/08/2021	05/08/2028	50,00	-	1	05/08/2022	3,80	3,80	05/08/2022			
								07/11/2022	0,98	0,98	07/11/2022	50,00	50,00	05/11/2022
4	BVBLH2128003	7,00	27/08/2021	27/08/2028	100,00	-	1	27/08/2022	7,80	7,80	29/08/2022			
								28/11/2022	1,99	1,99	28/11/2022	100,00	100,00	27/11/2022
5	BVBLH2128004	7,00	18/11/2021	18/11/2028	100,00	-	1	18/11/2022	8,20	8,20	18/11/2022			
								20/02/2023	2,11	2,11	20/02/2023	100,00	100,00	20/02/2023
6	BVBH2124005	3,00	17/12/2021	17/12/2024	1,000	1.000	1	19/12/2022	60,00	60,00	19/12/2022			
								18/12/2023	60,00	60,00	18/12/2023			
7	BVBLH2128006	7,00	29/12/2021	29/12/2028	230,00	-	1	29/12/2022	19,55	19,55	29/12/2022			
								29/03/2023	4,82	4,82	29/03/2023	230,00	230,00	29/03/2023
8	BVBLH2	7,00	14/01/	14/01/	200,00	-	1	16/01/	17,20	17,20	16/01/			

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Giá trị đang lưu hành (theo mệnh giá)	Kỳ trả lãi (*)	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Thanh toán lãi			Thanh toán gốc			
									Số tiền phải thanh toán	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế	Số tiền phải thanh toán	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế	
	229001		2022	2029				2023			2023				
							2	14/04/2023	4,24	4,24	14/04/2023	200,00	200,00	14/04/2023	
9	BVBL22 29002	7,00	04/03/2022	04/03/2029	100,00	-	1	06/03/2023	8,60	8,60	06/03/2023				
							2	05/06/2023	2,19	2,19	05/06/2023	100,00	100,00	05/06/2023	
10	BVBL22 29003	7,00	08/03/2022	08/03/2029	150,00	-	1	08/03/2023	12,90	12,90	08/03/2023				
							2	08/06/2023	3,25	3,25	08/06/2023	150,00	150,00	08/06/2023	
11	BVBL22 29004	7,00	24/03/2022	24/03/2029	100,00	-	1	24/03/2023	8,60	8,60	24/03/2023				
							2	26/06/2023	2,21	2,21	26/06/2023	100,00	100,00	26/06/2023	
12	BVBL22 29005	7,00	05/04/2022	05/04/2029	200,00	-	1	05/04/2023	17,20	17,20	05/04/2023				
							2	05/07/2023	4,29	4,29	05/07/2023	200,00	200,00	05/07/2023	
13	BVBL22 29006	7,00	08/04/2022	08/04/2029	100,00	-	1	10/04/2023	8,60	8,60	10/04/2023				
							2	10/07/2023	2,19	2,19	10/07/2023	100,00	100,00	10/07/2023	
14	BVBL22 29007	7,00	05/08/2022	05/08/2029	60,00	-	1	07/08/2023	5,16	5,16	07/08/2023				
							2	05/03/2024	3,01	3,01	05/03/2024	60,00	60,00	05/03/2024	
15	BVBL22 29008	7,00	30/08/2022	30/08/2029	100,00	-	1	30/08/2023	8,70	8,70	30/08/2023				
							2	30/11/2023	2,19	2,19	30/11/2023	100,00	100,00	30/11/2023	
16	BVBL22 29009	7,00	31/08/2022	31/08/2029	100,00	-	1	31/08/2023	8,60	8,60	31/08/2023				
							2	01/04/2024	5,04	5,04	01/04/2024	100,00	100,00	01/04/2024	
17	BVB122 028	7,00	26/08/2022	26/08/2029	967,74	-	1	28/08/2023	83,23	83,23	28/08/2023				
							2	26/02/2024	41,95	41,95	26/02/2024	967,74	967,74	26/02/2024	
18	BVB123 025	6,00	22/08/2023	22/08/2029	384,38	384,38									

**Ghi chú (\*):**

1: trả lãi sau 12 tháng

2: trái phiếu được mua lại

**13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành**

**13.1. Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn**

Tính đến thời điểm 30/06/2024, số dư trái phiếu BVBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 1.384,38 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng:

Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Kỳ hạn
BVB123025	22/08/2023	348,38	6 năm
<b>Tổng cộng</b>		<b>348,38</b>	

Nguồn: Ngân hàng Bàn Việt

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ:

Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Giá trị (tỷ đồng)	
			31/12/2023	30/06/2024
BVBH2124005	17/12/2021	3 năm	1.000	1.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.000</b>	<b>1.000</b>

Nguồn: Ngân hàng Bàn Việt

Cho đến nay, BVBank luôn thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu đầy đủ, đúng hạn. Hiện tại, Ngân Hàng không có trái phiếu chuyển đổi.

### 13.2. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

STT	Nội dung	30/06/2024 (tỷ đồng)
1	Tổng giá trị hợp đồng (*)	Không xác định
2	Lũy kế tiền thuê tài sản đã phân bổ vào chi phí	72,32
3	Chi phí chờ phân bổ còn lại (đối với tài sản thuê trả trước)	30,03
4	Số tiền thuê nhà, đất cần tiếp tục giải ngân	71,93

Nguồn: Ngân hàng Bàn Việt

(\*) Các hợp đồng thuê đất thể hiện giá trị thuê hàng năm, không thể hiện tổng giá trị hợp đồng

### 13.3. Các cam kết chưa thực hiện khác

Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra của BVBank như sau:

**Bảng 23: Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra**

*ĐVT: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng 2024	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng 2024
1. Bảo lãnh vay vốn	1	1	1	1	1	1
2. Cam kết giao dịch hối đoái	12.515	12.399	24.011	12.515	12.399	24.011
- Cam kết mua ngoại tệ	4.113	2.188	4.563	4.113	2.188	4.563
- Cam kết bán ngoại tệ	304	2.171	4.560	304	2.171	4.560
- Cam kết giao dịch hoán đổi	8.098	8.040	14.889	8.098	8.040	14.888



3. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	77	4	4	77	4	4
4. Bảo lãnh khác	1.222	756	779	1.222	756	779
5. Cam kết khác	31	18	48	31	18	48

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (Hợp nhất và Riêng lẻ)*

**14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Ngoài các thông tin về các cam kết và nghĩa vụ nợ nêu tại Mục IV.13 ở trên, theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có phát sinh vụ việc tranh chấp, kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến HĐKD, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán và dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

**15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Tổ chức phát hành cam kết về việc không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH:**

**1. Kết quả kinh doanh**

**1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành:**  
**Bảng 24: Các chỉ tiêu kinh doanh chính (hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Lũy kế đến 30/06/2024	% tăng/ giảm 2023/2022
- Tổng giá trị tài sản	79.067	87.884	90.490	11,15%
- Thu nhập lãi thuần	1.714	1.479	1.023	-13,71%
- Tổng thu nhập hoạt động	1.917	1.755	1.143	-8,45%
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	680	348	442	-48,82%
- Lợi nhuận trước thuế	456	72	153	-84,21%
- Lợi nhuận sau thuế	364	57	122	-84,34%
- Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	-	-	-	-

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (hợp nhất)*

**Bảng 25: Các chỉ tiêu kinh doanh chính (riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Lũy kế đến 30/06/2024	% tăng/ giảm 2023/2022
- Tổng giá trị tài sản	79.169	87.985	90.589	11,28%
- Thu nhập lãi thuần	1.712	1.476	1.021	-13,89%
- Tổng thu nhập hoạt động	1.915	1.753	1.141	-8,61%
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	680	348	441	-48,82%
- Lợi nhuận trước thuế	455	71	152	-84,43%
- Lợi nhuận sau thuế	364	56	121	-84,62%
- Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (riêng lẻ)

Năm 2023 là một năm nhiều khó khăn tác động đến nền kinh tế, với ngành ngân hàng thực hiện theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng liên tục giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong khi chi phí huy động vốn lại tăng cao dẫn đến hiện tượng 10/27 NHTM tăng trưởng âm so với cùng kỳ. BVBank đã nỗ lực thực hiện các mục tiêu kinh doanh: Tổng tài sản hợp nhất của BVBank đến 31/12/2023 đạt 87.985 tỷ đồng, tăng 11,28% so với cùng kỳ năm 2022; Kết quả lợi nhuận năm 2023 của BVBank tuy không đạt kế hoạch nhưng tương đồng với phần lớn các ngân hàng tư nhân khác không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm 2023, nguyên nhân chủ yếu do tăng mạnh trích lập dự phòng rủi ro, khiến lợi nhuận bị co hẹp dù nhiều mảng kinh doanh vẫn có kết quả khả quan. Kết thúc 6 tháng đầu năm, BVBank đã đạt nhiều kết quả kinh doanh tích cực, bám sát mục tiêu đặt ra đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó, cụ thể ghi nhận quy mô tổng tài sản đạt gần 90.490 tỷ đồng, tăng gần 11% so với cùng kỳ. Tổng thu nhập của BVBank đến hết quý 2/2024 đạt 1.143 tỷ đồng, tăng mạnh 46% so với cùng kỳ năm trước, trong đó thu nhập từ hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng 57% so với cùng kỳ, đạt 1.023 tỷ đồng.

## 1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

**Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tiếp trước năm đăng ký chào bán**

- Trong năm 2022 và 2023, kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn. Lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu

tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn.

- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Cùng với đó, các công ty công nghệ tài chính (Fin-Tech) xuất hiện, ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay ... tương tự như các dịch vụ ngân hàng.

- Thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp mặc dù có sự cải thiện nhờ điều hành của Chính phủ nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc nên vẫn tạo áp lực đối với nhu cầu vốn từ hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, dư âm của sự cố rút tiền hàng loạt tại SCB vào cuối năm 2022 tác động lớn tới thanh khoản, tâm lý thị trường, khiến các tổ chức tín dụng thận trọng hơn trong việc quản trị và cân đối nguồn vốn tín dụng.

**Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

- Tỷ lệ nợ xấu gia tăng, khả năng thu hồi nợ gặp khó khăn do ảnh hưởng từ tình hình nền kinh tế thị trường nên tình hình sản xuất kinh doanh của khách hàng gặp nhiều khó khăn, và sự đóng băng của thị trường bất động sản.
- Tín dụng tăng trưởng khá chậm do nhu cầu vay vốn của người dân và doanh nghiệp xuống thấp, đồng thời lãi suất cho vay cũng giảm tương ứng với giảm lãi suất huy động theo chính sách điều hành của NHNN.
- Nợ xấu có xu hướng tăng mạnh trở lại do khả năng trả nợ của ngân hàng suy yếu bất chấp việc đã có thông tư cho phép giãn nợ, cơ cấu nợ.
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn sẽ có một số ảnh hưởng nhất định tới các ngân hàng theo Thông tư 08/2020/TT-NHNN được Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 14/08/2020 sửa đổi, bổ sung Thông tư 22/2019/TT-NHNN đã gây áp lực lên nhu cầu huy động kỳ hạn dài của, làm tăng chi phí vốn và áp lực thu hẹp biên lãi ròng (NIM).
- TCTD đã triển khai các chính sách hỗ trợ, chương trình ưu đãi như ưu đãi lãi suất dành cho khách hàng mới và khách hàng hiện hữu cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, v.v. ... hiện theo chỉ đạo của Chính phủ tại nghị quyết 97/NQ-CP năm 2023, nghị quyết 105/NQ-CP năm 2023, theo tinh thần công văn số 6385/NHNN-CSTT ngày 14/08/2023 về việc giảm lãi cho vay từ 1,5% đến 2,0% để hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023 về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Vì thế thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng đáng kể.

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn về yếu tố cạnh tranh, chính sách vĩ mô và biến động thị

trường nhưng BVBank luôn tuân thủ đúng quy định của NHNN và duy trì tốc độ phát triển hàng năm. Để đáp ứng được nhu cầu kinh doanh trong thời gian tới thì BVBank vẫn đang trong tiến trình cùng cố tổ chức hoạt động, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin và nâng cao hệ thống đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu thị trường và hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- **Tình hình công nợ:**

**Bảng 26: Tình hình công nợ (hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
- Tổng giá trị tài sản có	79.067	87.884	90.490
- Tổng nợ phải trả	74.065	82.040	84.473

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (hợp nhất)*

**Bảng 27: Tình hình công nợ (riêng lẻ)**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
- Tổng giá trị tài sản có	79.169	87.985	90.589
- Tổng nợ phải trả	74.199	82.174	84.607

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (riêng)*

Đến thời điểm hiện tại, BVBank không có các khoản nợ quá hạn trên 1 năm.

Tình hình thanh toán các khoản nợ: BVBank luôn thanh toán đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ phải trả theo quy định.

- **Trái phiếu chưa đáo hạn**

**Bảng 28: Trái phiếu chưa đáo hạn**

*Đơn vị: tỷ đồng*

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Kỳ trả lãi
I	Năm 2021					
<b>Trái phiếu riêng lẻ</b>						
1	BVBH2124005	1.000,00	6,00%	3 năm	17/12/2021	Định kỳ 12 tháng

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Kỳ trả lãi
<b>II</b>	<b>Năm 2023</b>					
<b>Trái phiếu phát hành ra công chúng</b>						
1	BVB123025	384,38	9,00%	6 năm	22/08/2023	Định kỳ 12 tháng

Nguồn: Ngân hàng Bàn Việt

Thời hạn chuyển đổi của Trái phiếu chưa đáo hạn: Không có.

- Các khoản phải nộp theo luật định

**Bảng 29: Các khoản phải nộp theo luật định (hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	% tăng/giảm năm 2023/2022
Thuế TNDN	71	20	17,1	-72%
Thuế GTGT	13	17	1,9	31%
Thuế Thu nhập cá nhân	37	47	2,7	27%
Thuế nhà thầu	2	3	0,3	50%
Các loại thuế khác	0	0	0	0%
Các loại phí, lệ phí khác	1	1	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>124</b>	<b>88</b>	<b>22,0</b>	<b>-29,03%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (hợp nhất)

**Bảng 31: Các khoản phải nộp theo luật định (riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	% tăng/giảm năm 2023/2022
Thuế TNDN	70	19	17,0	-73%
Thuế GTGT	13	17	1,9	31%
Thuế Thu nhập cá nhân	37	47	2,7	27%
Thuế nhà thầu	2	3	0,3	50%
Các loại thuế khác	0	0	0	0%
Các loại phí, lệ phí khác	1	1	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>123</b>	<b>87</b>	<b>21,9</b>	<b>-29,27%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (riêng lẻ)

Đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng TMCP Bản Việt đã hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

▪ **Trích lập các quỹ**

Ngân hàng Bản Việt thực hiện trích lập các Quỹ đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật, theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, theo quy chế quản trị tài chính và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Theo quyết định của ĐHĐCĐ, tình hình trích lập các quỹ từ LNST của BVBank như sau:

**Bảng 31: Trích lập các quỹ (hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu cuối kỳ	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
- Quỹ đầu tư phát triển	1,56	1,56	1,56
- Quỹ dự phòng tài chính	166,35	192,20	197,74
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	84,14	54,70	57,47
- Quỹ khác	1,29	1,29	1,29
<b>Tổng cộng</b>	<b>253,34</b>	<b>249,75</b>	<b>258,06</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (hợp nhất)*

**Bảng 32: Trích lập các quỹ (riêng lẻ)**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu cuối kỳ	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
- Quỹ đầu tư phát triển	1,56	1,56	1,56
- Quỹ dự phòng tài chính	144,15	169,89	175,43
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	73,04	43,55	46,32
- Quỹ khác	1,29	1,29	1,29
<b>Tổng cộng</b>	<b>220,04</b>	<b>216,29</b>	<b>224,60</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý 2 năm 2024 (riêng lẻ)*

▪ **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Trong thời gian tới, kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiếp tục tiềm ẩn nhiều thách thức và rủi ro do ảnh hưởng của tình hình lạm phát và căng thẳng chính trị, thương mại giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới, trực tiếp ảnh hưởng tới tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân Hàng. Tuy nhiên, BVBank đang tích cực thực hiện các biện pháp phòng ngừa, quản lý rủi ro đồng thời nỗ lực tối đa để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được thông qua.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng 33: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng 2024	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng 2024
<b>1. Vốn tự có</b>						
Vốn điều lệ	3.671	5.017	5.017	3.671	5.017	5.017
Vốn tự có	7.803	7.697	6.750	7.753	7.673	6.683
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	13,15%	11,33%	11,42%	13,04%	11,27%	11,28%
<b>2. Chất lượng tài sản</b>						
Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ	5,20%	5,37%	5,32%	5,20%	5,37%	5,32%
Tỷ lệ nợ xấu/ Tổng dư nợ (theo TT11)	2,41%	2,77%	3,12%	2,41%	2,77%	3,12%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các TCTD khác)/ Tổng tài sản	77,24%	79,96%	80,22%	77,14%	79,96%	80,13%
Tài sản có sinh lời/ Tổng tài sản có nội bảng	94,55%	94,51%	94,37%	94,43%	94,40%	94,27%
<b>3. Khả năng thanh khoản</b>						
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/ Tổng tài sản bình quân	13,76%	15,20%	15,18%	13,58%	15,19%	15,17%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	16,58%	19,96%	23,42%	16,53%	19,92%	23,37%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi	74,14%	72,78%	73,45%	73,99%	72,65%	73,33%
<b>4. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	9,39%	1,30%	3,20%	9,44%	1,30%	3,14%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản bình quân	0,58%	0,09%	0,22%	0,58%	0,09%	0,22%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	2,30%	1,90%	2,49%	2,30%	1,90%	2,49%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	0,46%	0,07%	0,17%	0,46%	0,07%	0,17%

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng 2024	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng 2024
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	0,46%	1,02%	2,54%	7,54%	1,03%	2,50%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	992	120	242	991	120	241
Thu nhập dịch vụ/ Tổng thu nhập	11,47%	13,43%	10,61%	11,48%	13,45%	10,62%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/ Lợi nhuận trước thuế	21,88%	75,99%	28,42%	21,96%	76,47%	28,53%

*Nguồn: Ngân hàng Bản Việt*

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.

**3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành**

**3.1. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2022 do Công ty TNHH KPMG Việt Nam ban hành**

a. Báo cáo kiểm toán độc lập số 22-01-00381-23-2 ngày 30/03/2023 về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

• Ý kiến của kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

b. Báo cáo kiểm toán độc lập số 22-01-00381-23-1 ngày 30/03/2023 về Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2022

• Ý kiến của kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.



**3.2. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2023 do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ban hành**

a. Báo cáo kiểm toán độc lập số tham chiếu 61938007/67530520-HN ngày 25/03/2024 về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023

- Ý kiến của kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

- Vấn đề khác: Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 03 năm 2023.

b. Báo cáo kiểm toán độc lập số tham chiếu 61938007/67530520-R ngày 25/03/2024 về Báo cáo tài chính riêng năm 2023

- Ý kiến của kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng”.

- Vấn đề khác: Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 30 tháng 03 năm 2023.

**4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận**

**Bảng 34: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2024**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2024	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Thu nhập lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	2.374	37%
Lợi nhuận sau thuế	160	183%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Thu nhập lãi thuần	7,8%	4,0%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	2,71%	1,69%
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	-	-

*Nguồn: Ngân hàng Bản Việt*

✚ **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2024:**

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2024 của BVBank trong Bảng 34 được xây dựng dựa trên Kế hoạch tài chính năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của BVBank thông qua ngày 19/04/2024.

✚ **Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:**

Trong năm 2024, BVBank tiếp tục thực hiện mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại. Các sản phẩm huy động, tín dụng sẽ tiếp tục được phát triển theo định hướng phân khúc khách hàng nhỏ lẻ, doanh nghiệp SMEs, tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ trên kênh ngân hàng điện tử. Kế hoạch hành động cụ thể như sau:

- Tài chính:
  - ✓ Gia tăng thu phí dịch vụ, phí ngoài lãi.
  - ✓ Tối ưu hóa chi phí hoạt động hiệu quả.
  - ✓ Tích cực thu hồi nợ quá hạn để hoàn các khoản lãi đang treo ngoài bảng và dự phòng.
- Phát triển mạng lưới: tiếp tục thực hiện mở rộng mạng lưới và phát triển thương hiệu, trình Ngân hàng Nhà nước xem xét thành lập mở mới 23 điểm giao dịch, nâng tổng số mạng lưới giao dịch toàn quốc lên 131 điểm trong năm 2023.
- Khách hàng Cá nhân:
  - ✓ Đặt khách hàng là trọng tâm: đẩy mạnh phát triển hệ khách hàng qua các kênh số hóa ; tăng cường phát triển hệ khách hàng qua các kênh đối tác Fintechs, ...
  - ✓ Huy động vốn: Cơ cấu kỳ hạn để cải thiện nguồn vốn giá rẻ; phát triển các sản phẩm đặc thù theo phân khúc khách hàng, ưu tiên cải tiến vận hành nhanh gọn và trải nghiệm khách hàng lên trên hết. Từ đó, ưu tiên cải tiến các sản phẩm, dịch vụ trên các kênh số hóa.
  - ✓ Quản lý danh mục: Ban hành chính sách/lãi suất linh hoạt theo danh mục sản phẩm, kỳ hạn gửi, địa bàn phù hợp định hướng phân tán rủi ro.
- Khách hàng doanh nghiệp:
  - ✓ Xây dựng lại định hướng kinh doanh hướng đến việc xác định rõ phân khúc khách hàng mục tiêu, phân nhóm khách hàng và chính sách tín dụng đối với từng phân khúc/phân nhóm khách hàng.
  - ✓ Phân đoạn nhỏ, định vị lại khách hàng SME thông qua các sản phẩm/chương trình phù hợp với từng địa phương/ngành.
  - ✓ Am hiểu sâu hơn đến ngành/tiểu ngành các nhóm khách hàng để phân nhóm khách hàng, điều kiện tín dụng, điều kiện vận hành và giám sát sau phù hợp hướng để sự chuẩn hóa và tinh gọn công tác vận hành tín dụng.
  - ✓ Phát triển khách hàng mới qua kênh số/kênh đối tác đang có quan hệ với BVBank nhằm tăng thu nhập thông qua tăng trưởng tiền gửi không kỳ hạn và tiết giảm chi phí giá vốn.

- ✓ Tăng trưởng thu nhập thông qua các sản phẩm dịch vụ, bán thêm cho khách hàng hiện hữu, bán chéo sản phẩm khách hàng cá nhân.
  - ✓ Tối ưu hóa mô hình bán theo hướng tập trung hóa/chuyên môn hóa tại địa bàn các đô thị lớn như: Tp. HCM, Hà Nội, Đà Nẵng dưới sự dẫn dắt của đội ngũ quản lý có năng lực tốt nhằm cải thiện năng suất và quy mô trên từng đơn vị kinh doanh, giảm thiểu chi phí hoạt động.
  - ✓ Xây dựng khung năng lực, lộ trình nghề nghiệp, lộ trình đào tạo để cải thiện năng suất của lực lượng bán.
  - ✓ Vận hành hệ thống CRM để quản lý toàn diện mối quan hệ khách hàng nhằm khai thác tối đa tiềm năng, thu nhập khách hàng mang lại cho BVBank.
  - ✓ Tối ưu hóa công tác quản trị nợ. Linh hoạt áp dụng các biện pháp như cơ cấu lại nợ, tiếp tục cho vay ... để đồng hành cùng Khách hàng qua giai đoạn khó khăn hiện nay.
  - ✓ Ứng dụng công nghệ trực tuyến Mobile Banking, Internet Banking và cung cấp các dịch vụ trên nền tảng Open Banking để thay đổi trải nghiệm thực tế, nâng cao sự thuận tiện cho khách hàng.
- Ngân hàng số: Tiếp tục phối hợp với các đối tác Fintechs lớn để khai thác thị trường:
- ✓ Dịch vụ thu hộ/chi hộ Open API.
  - ✓ Dịch vụ gửi tiết kiệm Online, vay, thẻ tín dụng trên kênh của đối tác.
  - ✓ Phát triển ngân hàng số Timo.

#### ➡ **Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) đã tiến hành khảo sát, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của BVBank.

Dựa trên kết quả kinh doanh của BVBank qua các các năm cùng với khả năng triển khai và vận hành công tác tổ chức, quản lý doanh nghiệp, cùng với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp triển kinh doanh, ngoại trừ trường hợp không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh, thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2024 mà BVBank đưa ra là có thể thực hiện được và có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng, do đó các nhà đầu tư cần tự nghiên cứu một cách cẩn trọng và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định đầu tư của mình.

## 5. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

Kế hoạch chào bán trái phiếu của BVBank trong thời gian tới như sau:

Đợt	Năm 2024 - 2025			Đợt	Năm 2025 - 2026		
	Thời điểm phát hành	Số lượng trái phiếu phát hành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)		Thời điểm phát hành	Số lượng trái phiếu phát hành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)
Đợt 1	Tháng 8/2024	15.000.000	1.500	Đợt 4	Tháng 9/2025	15.000.000	1.500
Đợt 2	Tháng 10/2024	7.000.000	700	Đợt 5	Tháng 11/2025	7.000.000	700
Đợt 3	Tháng 1/2025	6.000.000	600	Đợt 6	Tháng 2/2026	6.000.000	600
<b>Tổng cộng</b>		<b>28.000.000</b>	<b>2.800</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>28.000.000</b>	<b>2.800</b>

Trong trường hợp kế hoạch triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng không kịp tiến độ theo kế hoạch trên thì thời gian phát hành dự kiến của các đợt sẽ được tự động điều chỉnh (nếu có) để phù hợp với tình hình thực tế, đồng thời phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và các nội dung đã được Hội đồng quản trị BVBank thông qua.

## VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Các nội dung được trình bày dưới đây là các thông tin, các điều khoản và điều kiện về trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVBank. Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, người sở hữu trái phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung, quy định và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan tại Bản cáo bạch này và phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVBank.

### 1. Tên trái phiếu

Trái phiếu BVBank phát hành ra công chúng năm 2024 – 2025.

*Trong đó, tên trái phiếu đợt 1: Trái phiếu BVBank phát hành ra công chúng năm 2024 – 2025 (Đợt 1).*

### 2. Loại trái phiếu

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có đảm bảo, là Nợ thứ cấp và thỏa các điều kiện để được tính vào Vốn cấp 2 theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trái phiếu do BVBank phát hành thỏa mãn các Điều khoản Điều kiện quy định cụ thể dưới đây:

- Tổ chức phát hành có quyền mua lại trước hạn tối đa 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc tại ngày mua lại khác phù hợp với tình hình thực tế.

Số tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi BVBank thực hiện việc mua lại, bao

gồm: mệnh giá và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán (sau khi đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (đối với cá nhân) và các phí có liên quan (nếu có) theo biểu phí dịch vụ của BVBank trong từng thời kỳ).

- BVBank chỉ được mua lại trước thời hạn đáo hạn với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, BVBank vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).
- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được đảm bảo bằng Tài sản của BVBank. Trong trường hợp BVBank bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi BVBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác.
- Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt Phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào.
- BVBank được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả trong năm kinh doanh bị lỗ theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước và các quy định thay đổi (nếu có).
- Trong thời hạn lưu hành của Trái phiếu, Người Sở Hữu Trái phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với BVBank hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

### 3. Mệnh giá

Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái phiếu.

### 4. Tổng số lượng trái phiếu chào bán

- Tổng số lượng chào bán: Tối đa **56.000.000** (Năm mươi sáu triệu) Trái phiếu.
- Số đợt chào bán: 06 (sáu) đợt.

Chi tiết các đợt chào bán dự kiến như sau:

Đợt chào bán	Số lượng trái phiếu	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Thời điểm chào bán dự kiến
Đợt 1	15.000.000	1.500	Tháng 8/2024
Đợt 2	7.000.000	700	Tháng 10/2024
Đợt 3	6.000.000	600	Tháng 1/2025
Đợt 4	15.000.000	1.500	Tháng 9/2025
Đợt 5	7.000.000	700	Tháng 11/2025
Đợt 6	6.000.000	600	Tháng 2/2026

- Trường hợp Trái phiếu chưa phát hành hết trong mỗi đợt, số lượng Trái phiếu còn lại sẽ được chuyển sang đợt tiếp theo.
- Tổng Giám đốc (TGD) hoặc Người được TGD ủy quyền quyết định: thời gian chào bán, điều chỉnh số đợt chào bán, điều chỉnh số lượng chào bán và thời gian chào bán (nếu có) của từng đợt theo khả năng tiêu thụ của thị trường, đảm bảo không vượt quá tổng số lượng dự kiến chào bán ra công chúng, đồng thời đảm bảo tổng giá trị trái phiếu mà BVBank đã chào bán

và dự kiến chào bán trong mỗi 12 tháng không lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu căn cứ trên Báo cáo tài chính (hợp nhất và riêng lẻ) của BVBank kỳ gần nhất.

#### **5. Tổng giá trị trái phiếu chào bán tính theo mệnh giá**

Tổng giá trị trái phiếu chào bán tính theo mệnh giá: Tối đa 5.600.000.000.000 (Năm nghìn sáu trăm tỷ) đồng.

#### **6. Kỳ hạn trái phiếu**

- Tối đa 08 (tám) năm kể từ ngày phát hành. TGD hoặc Người được TGD uỷ quyền sẽ quyết định kỳ hạn mỗi đợt chào bán.
- Kỳ hạn trái phiếu Đợt 1: 06 (sáu) năm.

#### **7. Lãi suất**

##### **7.1. Nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu**

##### **a. Nguyên tắc xác định lãi suất**

- Phương thức lãi suất áp dụng: Lãi suất cố định và/hoặc Lãi suất thả nổi.
- Lãi suất cố định: tối đa **8,0%/năm**.
- Lãi suất thả nổi:

Mức lãi suất thả nổi được xác định theo Lãi Suất Tham Chiếu, biên độ lãi suất và được tính theo công thức: *Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ lãi suất (tối đa 3,5%)*.

- ✓ **Lãi Suất Tham Chiếu:** là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương), trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam, tương ứng theo các tên viết tắt như sau: Ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank (mỗi ngân hàng này được gọi là “Ngân hàng Tham Chiếu”) tại ngày xác định lãi suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân hàng tham chiếu đó đặt hội sở chính.
  - ✓ **Biên độ lãi suất:** là tỷ lệ phần trăm trên một năm, được cộng thêm cùng với Lãi Suất Tham Chiếu.
  - ✓ **Ngày Xác Định Lãi Suất:** được thông báo chính thức khi thực hiện công bố thông tin trước mỗi đợt phát hành và/hoặc trước mỗi Kỳ Tính Lãi.
    - *Ngày Xác Định Lãi Suất đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu.*
    - *Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi và được thông báo trên Website của BVBank trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Xác Định Lãi Suất.*
  - Tổng Giám đốc (TGD) hoặc Người được TGD uỷ quyền quyết định các nội dung chi tiết theo nguyên tắc xác định lãi suất, đảm bảo không vượt quá các mức tối đa được phê duyệt tùy theo điều kiện thị trường tại thời điểm triển khai các đợt chào bán.
- ##### **b. Lãi suất trái Phiếu chào bán Đợt 1**
- Lãi suất năm đầu tiên (lãi suất cố định): 7,9%/năm (bảy phẩy chín phần trăm trên một năm).
  - Lãi suất từ năm thứ 2 (lãi suất thả nổi): *Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ lãi suất*

2,5%/năm.

**Trong đó:**

- ✓ **Lãi Suất Tham Chiếu:** là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương), trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam, tương ứng theo các tên viết tắt như sau: Ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank (mỗi ngân hàng này được gọi là “Ngân hàng Tham Chiếu”) tại ngày xác định lãi suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân hàng tham chiếu đó đặt hội sở chính.
- ✓ **Ngày Xác Định Lãi Suất:** là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi và được thông báo trên Website của BVBank trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Xác Định Lãi Suất.
- ✓ Để làm rõ, các số liệu về lãi suất sẽ được làm tròn theo nguyên tắc như sau:
  - *Lãi suất tham chiếu: sẽ được làm tròn đến 02 (hai) chữ số ở phần thập phân (nếu có).*
  - *Nguyên tắc làm tròn đến 02 (hai) chữ số ở phần thập phân như sau: nếu chữ số thứ 03 (ba) ở phần thập phân lớn hơn hoặc bằng 5 thì làm tròn lên, nếu chữ số thứ 03 (ba) ở phần thập phân nhỏ hơn 5 thì làm tròn xuống.*

**7.2. Xác định tiền lãi trái phiếu**

- Tổng tiền lãi Trái Phiếu được hưởng, bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn, sẽ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng trong Kỳ Tính Lãi} = \text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu năm giữ trong Kỳ Tính Lãi} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày thực tế năm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Tính Lãi}}{365}$$

Mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc ngày Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn. Trong trường hợp tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì khi đó, Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi với mức lãi suất bằng lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi ngay trước Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại (kể cả trước và sau khi có phán quyết) từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại cho đến nhưng không bao gồm, ngày mà vào ngày đó Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan nhận được tất cả các khoản tiền đến hạn liên quan đến Trái Phiếu. Tiền lãi trên các khoản phải trả (trừ các khoản lãi) chậm thanh toán sẽ được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng trong trường hợp chậm thanh toán các khoản phải trả} = \text{Tổng mệnh giá Trái phiếu đang năm giữ hoặc giá trị các khoản phải trả} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày thực tế bị chậm thanh toán}}{365}$$

- Phạt chậm trả lãi Trái Phiếu: Trường hợp khoản tiền lãi Trái phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu tiền phạt trên số dư lãi chậm trả của Trái Phiếu với số tiền phạt được tính theo công thức:

$$\text{Số tiền phạt} = \frac{\text{Lãi Suất Trái Phiếu}}{(\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày quá hạn trả lãi Trái Phiếu}}{365} \times \text{Số dư lãi Trái Phiếu chậm trả}$$

- Để tránh nhầm lẫn, sẽ không có bất kỳ khoản lãi nào phát sinh (và Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản lãi nào phát sinh) trên khoản phạt chậm trả lãi Trái Phiếu trong bất kỳ trường hợp nào.
- Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc Gốc mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc các thành viên lưu ký thì số tiền thanh toán Lãi, Gốc đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc các thành viên lưu ký giữ hộ và không được hưởng lãi.
- Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác không phải là Ngày làm việc, thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm việc tiếp theo và Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc.
- Đối với việc ngừng thanh toán tiền lãi trái phiếu:
  - ✓ Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền Lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ (“Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán”). Việc chậm trả lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền lãi là “Kỳ Tạm Ngừng” thanh toán tiền lãi đó.
  - ✓ Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào Gốc và sẽ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán) và được tính trên số ngày thực tế chậm trả trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
  - ✓ Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh toán là Lãi Suất của Trái Phiếu tương ứng (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian tạm ngừng thanh toán tiền lãi).

#### 8. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu

- Lãi được trả sau, định kỳ mỗi năm một lần.

Áp dụng chung cho Các Trái Phiếu, Lãi được thanh toán sau, định kỳ mỗi năm một lần vào ngày tròn (01) năm liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày



Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác.

- Gốc được trả một lần khi đến hạn hoặc ngày mua lại trước hạn theo quy định.  
Tiền Gốc sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá của Trái Phiếu tương ứng vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại phù hợp với Điều Khoản, Điều Kiện Trái Phiếu.
- BVBank gửi đến VSDC hồ sơ thực hiện quyền và thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành để thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) cho Người Sở Hữu Trái phiếu.

#### **9. Giá chào bán:**

100.000 VND (một trăm nghìn đồng)/Trái phiếu.

#### **10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động**

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được đảm bảo bằng Tài sản của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức Phát hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác. Các Trái phiếu chào bán cùng một Đợt Phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào.

#### **11. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu**

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành quản lý (trước khi Các Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) sẽ là người chủ sở hữu duy nhất của Các Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến trái phiếu.

##### **11.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu**

**Các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu bao gồm:**

- Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền gốc và tiền lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu;
- Được tự do chuyển quyền sở hữu (bao gồm nhưng không giới hạn ở mua, bán, cho, tặng, để lại thừa kế và các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật) Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái phiếu làm tài sản đảm bảo phù hợp với các quy định tại các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu này và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Mỗi Người sở hữu sẽ được Tổ Chức Phát hành cấp duy nhất (01) giấy chứng nhận cho toàn bộ Trái phiếu mà người đó sở hữu và được ghi trong Sổ đăng ký trái phiếu;

- Các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán, hoặc VSDC, tuân thủ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành giữ bí mật thông tin liên quan đến số dư Trái Phiếu và các giao dịch của Người Sở Hữu Trái Phiếu trừ khi Tổ chức Phát Hành phải tiết lộ các thông tin đó theo quy định của pháp luật;
- Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi phạm của Tổ Chức Phát Hành:
  - ✓ Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán tiền Gốc và hoặc tiền Lãi của Các Trái Phiếu, và vi phạm đó vẫn chưa được khắc phục trong thời gian 10 (mười) Ngày Làm Việc (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi Trái Phiếu theo quy định tại Mục VI.7.2 Bản cáo bạch này “Xác định tiền lãi trái phiếu”). Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khởi kiện Tổ Chức Phát Hành theo thủ tục phá sản hoặc thanh lý hoặc khởi kiện theo các hình thức khác do Người Sở Hữu Trái Phiếu lựa chọn mà không cần gửi thông báo nào khác.
  - ✓ Nếu có một lệnh của toà án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản (được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo) cho Tổ Chức Phát Hành và tuyên bố Trái Phiếu mình đang nắm giữ đến hạn và phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.

**Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu:**

- Việc thay đổi, sửa đổi các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu nói trên được hiểu là sẽ làm thay đổi, sửa đổi Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu. Trên cơ sở bảo đảm tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Phát Hành có thể tự mình sửa đổi Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu để xử lý bất kỳ lỗi hoặc sai sót rõ ràng nào tại Các Điều Kiện và Điều Khoản Trái Phiếu nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan thông qua việc tổ chức hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập bởi Tổ Chức Phát Hành.
- Việc triệu tập được thực hiện với thông báo bằng văn bản gửi tới tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành trước ít nhất 05 ngày Làm Việc.
- Tổ Chức Phát Hành tiến hành xác định thời điểm khóa sổ và Ngày Chốt Danh Sách để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị.

- Các bên cùng làm việc hoặc trên cơ sở thông báo của người có thẩm quyền triệu tập cuộc họp để xác định thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc hội nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị để gửi thông báo đến Người Sở Hữu. Người có thẩm quyền triệu tập họp sẽ gửi Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị cho Người Sở Hữu Trái Phiếu dưới dạng một trong các hình thức sau đây: (1) văn bản giấy về địa chỉ của Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành; (2) Thư điện tử, fax, thông báo trực tuyến (online) qua hệ thống giao dịch của Tổ Chức Phát Hành; (3) thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành hoặc (4) bất kỳ hình thức thông báo nào khác được pháp luật cho phép.
- Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức theo hình thức phù hợp theo yêu cầu của người triệu tập như hội nghị qua điện thoại, video, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- Số đại biểu cần thiết để cuộc họp được tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện cho ít nhất 51% theo tổng mệnh giá Trái Phiếu.
- Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái phiếu được một hoặc nhiều Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 51% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của những người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự cuộc họp thông qua và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp Hội nghị hay không).
- Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của Tổ Chức Phát Hành và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị quyết thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Danh sách người sở hữu trái phiếu và phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 51% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua.
- Trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu. Tổ chức phát hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung về quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

### **11.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu**

- Tuân thủ các quy định tại Các Điều Khoản, Điều Khoản Trái Phiếu;
- Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của chính mình;
- Không làm giả mạo, sửa chữa, tẩy xóa Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu; không được yêu cầu thanh toán Trái Phiếu không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu cố tình vi phạm bất kỳ quy định nào tại các Văn Kiện Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đó sẽ phải bồi thường các thiệt hại thực tế cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật;
- Lập tức thông báo cho Tổ Chức Phát Hành nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị mất cắp, thất lạc hoặc phát hiện thông tin Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị

- lỗi hoặc có sai sót; Người Sở Hữu Trái Phiếu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thiệt hại hoặc mất mát gây ra khi không lập tức thông báo cho Tổ Chức Phát Hành.
- Lập tức hoàn trả cho Tổ Chức Phát Hành bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh về sai sót đó từ Tổ Chức Phát Hành hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó.
  - Đăng ký các thông tin về Người Sở Hữu Trái Phiếu và thông tin về tài khoản nhận thanh toán liên quan đến Trái Phiếu và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành về bất kỳ thay đổi thông tin nào đã cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành phù hợp với thời hạn quy định tại Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu, hoặc quy định của pháp luật có liên quan. Để tránh hiểu nhầm, trường hợp Tổ Chức Phát Hành không thể chuyển tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu do Người Sở Hữu Trái Phiếu không kịp cung cấp thông tin thay đổi trong thời hạn quy định tại Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu thì trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác, Tổ Chức Phát hành thực hiện việc chuyển tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các thông tin đã được đăng ký với Tổ Chức Phát Hành. Việc chuyển tiền thanh toán của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp này không bị xem là chậm thanh toán và không phải chịu lãi chậm trả như quy định tại Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu;
  - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các giấy tờ pháp lý cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành;
  - Chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;
  - Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế phát sinh từ thu nhập chịu thuế hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật;
  - Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc đăng ký tập trung và niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán theo các quy định hiện hành.
  - Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái phiếu, và quy định của pháp luật.

## **12. Mua lại trái phiếu trước hạn**

- BVBank có thể mua lại trước hạn tối đa 100% khối lượng Trái phiếu đã chào bán kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc tại ngày mua lại khác phù hợp với tình hình thực tế.

*Số tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi BVBank thực hiện việc mua lại, bao gồm: mệnh giá khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán (sau khi đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (đối với cá nhân) và các phí có liên quan (nếu có) theo biểu phí dịch vụ của*

*BVBank trong từng thời kỳ).*

- Trong trường hợp tại ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu, BVBank có quyền mua lại một phần/toàn bộ trái phiếu của Người Sở Hữu Trái phiếu và Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại một phần/toàn bộ Trái Phiếu cho BVBank. Khi đó một phần/hoặc toàn bộ Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành hoặc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới sẽ được cấp lại (nếu trái phiếu bị hủy bỏ một phần).

*Để làm rõ, tại ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu, BVBank sẽ được quyền thanh toán mệnh giá khoản tiền Gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán nêu trên cho Người sở hữu trái phiếu mà không bị ràng buộc hoặc giới hạn bởi bất cứ lý do nào, đồng thời Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ mặc nhiên nhận được mệnh giá khoản tiền Gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán do mình sở hữu.*

- Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại: Tối thiểu là ngày tròn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày phát hành. TGD hoặc Người được TGD ủy quyền quyết định Ngày thực hiện quyền mua lại của mỗi đợt chào bán.

**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Đợt 1: là ngày tròn 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày phát hành.**

**Tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Đợt 1, BVBank có quyền mua lại tối đa toàn bộ Trái phiếu của Người Sở Hữu Trái phiếu và Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại số lượng Trái Phiếu tương ứng cho BVBank.**

- BVBank sẽ thông báo việc mua lại và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của BVBank mà không do lỗi của BVBank hoặc không thực hiện đủ các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho BVBank (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho BVBank và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi nhận tại BVBank hoặc thông qua các Thành viên lưu ký nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản lưu ký.
- Trong phạm vi các Văn bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan yêu cầu, BVBank sẽ có quyền khấu trừ hoặc giữ lại các khoản thuế, nghĩa vụ thuế, phí và chi phí từ bất kỳ khoản nào phải thanh toán cho các Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu này để nộp cho Cơ quan Nhà nước nêu trên theo quy định.

### **13. Phương thức phân phối**

#### **Phương thức phân phối:**

Việc phân phối trái phiếu được Tổ Chức Phát Hành và/hoặc thông qua đại lý phân phối thực hiện một cách công bằng, công khai và bảo đảm thời hạn đăng ký mua trái phiếu cho nhà đầu tư

tối thiểu là 20 ngày. BVBank phân phối trực tiếp thông qua các PGD/CN của BVBank và/hoặc thông qua đại lý phân phối. Tổng giám đốc (TGD) hoặc Người được TGD ủy quyền lựa chọn phương thức phân phối tùy theo nhu cầu của BVBank, để bảo đảm thành công của các đợt chào bán. Đại lý phân phối là Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS).

**Phương thức phân phối Đợt 1: BVBank chào bán trực tiếp thông qua các Phòng giao dịch/Chi nhánh của BVBank.**

**Trách nhiệm của BVBank trong trường hợp trực tiếp phân phối trái phiếu hoặc phân phối đồng thời cùng Đại lý phân phối**

- Phân bổ cho Đại lý phân phối số lượng Trái Phiếu cần phân phối (trường hợp việc phân phối có thực hiện thông qua Đại lý phân phối).
- Chuyển tài liệu cần thiết liên quan tới việc chào bán Trái Phiếu cho Nhà đầu tư trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật và phương án phát hành Trái Phiếu.
- Nhận đăng ký đặt mua Trái Phiếu từ Nhà đầu tư thông qua các PGD/CN của BVBank.
- Phân bổ số lượng trái phiếu được mua tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư trong trường hợp số lượng trái phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng trái phiếu được phép chào bán. Phối hợp với Đại lý phân phối để tổng hợp số lượng trái phiếu được phân phối cho nhà đầu tư (nếu có thực hiện thông qua Đại lý phân phối).
- Phối hợp với Đại lý phân phối (nếu có) để hoàn tất báo cáo kết quả phân phối đến UBCKNN.
- Thực hiện các công việc khác cần thiết để bảo đảm thành công của đợt chào bán, phân phối Trái Phiếu.

**Trách nhiệm của Đại lý phân phối:**

- Thực hiện việc phân phối Trái Phiếu cho các Nhà đầu tư theo sự phân bổ từ Tổ Chức Phát Hành.
- Chuyển tài liệu cần thiết liên quan tới việc chào bán Trái Phiếu cho Nhà đầu tư trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật và phương án phát hành Trái Phiếu.
- Nhận đăng ký đặt mua Trái Phiếu từ Nhà đầu tư và báo cáo kết quả đặt mua Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành.
- Phối hợp với Tổ Chức Phát Hành tổng hợp và phân bổ số lượng trái phiếu được mua tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư trong trường hợp số lượng trái phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng trái phiếu được phép chào bán.
- Thực hiện các công việc khác cần thiết để bảo đảm thành công của đợt chào bán, phân phối Trái Phiếu.

**14. Đăng ký mua trái phiếu**

#### **14.1. Số lượng đăng ký mua tối thiểu**

- Đối với nhà đầu tư là cá nhân: Số lượng đặt mua tối thiểu 100 (một trăm) trái phiếu hoặc bội số của 100 (một trăm) Trái phiếu.
- Đối với nhà đầu tư là tổ chức kinh tế: Số lượng đặt mua tối thiểu 1.000 (một nghìn) trái phiếu hoặc bội số của 1.000 (một nghìn) trái phiếu.
- Tổng Giám đốc (TGD) hoặc Người được TGD uỷ quyền được quyền điều chỉnh số lượng đăng ký mua tối thiểu của từng đợt (nếu có), tùy theo khả năng tiêu thụ của thị trường.

#### **14.2. Thời hạn đặt mua**

Thời gian dự kiến để các nhà đầu tư đăng ký và thanh toán tiền mua Trái phiếu từng đợt chào bán tối thiểu là 20 (hai mươi ngày).

#### **14.3. Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua trái phiếu**

- Trái phiếu sẽ được phân bổ cho các nhà đầu tư theo nguyên tắc công khai, công bằng.
- Nhà đầu tư sẽ đăng ký mua, thanh toán trực tiếp tại các Chi nhánh/ Phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc tại Đại lý phân phối. Tổng giám đốc (TGD) lựa chọn phương thức phân phối tùy theo nhu cầu của BVBank, để bảo đảm thành công của các đợt chào bán.
- Thời hạn đăng ký mua và thanh toán tiền mua Trái Phiếu: theo công bố của Tổ Chức Phát Hành tại bản Thông báo phát hành.
- Trường hợp tổng số lượng Trái phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối số Trái Phiếu được phép chào bán cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng Nhà đầu tư. Số lượng Trái phiếu phân bổ cho các nhà đầu tư theo tỷ lệ đăng ký mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm và/hoặc hàng nghìn, đồng thời tổng số lượng Trái phiếu phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng Trái phiếu đăng ký chào bán, cụ thể như sau:
  - Số lượng Trái phiếu phân bổ cho các nhà đầu tư cá nhân theo tỷ lệ đăng ký: sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm (**100 Trái phiếu**).
  - Số lượng Trái phiếu phân bổ cho các nhà đầu tư tổ chức theo tỷ lệ đăng ký: sẽ được làm tròn xuống đến hàng nghìn (**1.000 Trái phiếu**).

Trường hợp đối với số lượng Trái phiếu còn dư phát sinh sau khi làm tròn xuống theo nguyên tắc trên (nếu có), số Trái phiếu này sẽ được phân bổ đều cho các nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất bằng nhau (phân bổ theo tỷ lệ đăng ký của nhà đầu tư cá nhân và tổ chức so với tổng số lượng đăng ký). Nếu sau khi phân bổ đều theo nguyên tắc trên vẫn phát sinh số Trái phiếu còn dư, thì số Trái phiếu còn lại này sẽ được hủy bỏ và không thực hiện chào bán.

- Để tránh hiểu nhầm, việc đăng ký mua Trái phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi Nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái phiếu vào Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua

Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

**14.4. Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu**

- Hình thức thực hiện: Chuyển trả các khoản tiền vào tài khoản của nhà đầu tư theo thông tin đã đăng ký, hoặc chuyển trả bằng tiền mặt tại địa điểm mà nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua (trường hợp nhà đầu tư không có tài khoản ngân hàng).
- Thời gian thực hiện: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày có văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán và Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu được giải tỏa.

**15. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu**

**15.1. Lịch trình chào bán Trái Phiếu ra công chúng Đợt 1**

STT	Nội Dung	Thời Gian Dự Kiến
1	UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng	T1
2	Tổ Chức Phát hành công bố thông tin về chào bán Trái Phiếu Đợt 1	Từ T1 → T1+3
3	Tổ Chức Phát hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 1	T1+3 đến T1+23 (tối thiểu 20 ngày)
-	Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và thanh toán dự kiến	T1+3
-	Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và thanh toán dự kiến	T1+23
4	Ngày Phát Hành	T1+23
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả chào bán Đợt 1 cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6	UBCKNN có công văn về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo kết quả chào bán của BVBank	
7	Tổ Chức Phát Hành giải tỏa tiền từ Tài Khoản Phong Tỏa	
8	Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu cho nhà đầu tư	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán



Trường hợp số lượng Trái phiếu chào bán Đợt 1 chưa chào bán hết theo dự kiến thì số lượng Trái phiếu còn lại chưa chào bán hết sẽ được chuyển sang chào bán tiếp (các) Đợt chào bán sau.

### **15.2. Lịch trình chào bán Trái Phiếu ra công chúng các Đợt tiếp theo**

Sau khi kết thúc Đợt 1 và trên cơ sở kế hoạch chào bán Đợt 2, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kế hoạch chào bán và cập nhật các thông tin thay đổi của Tổ Chức Phát Hành ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư so với Bản cáo bạch này (nếu có).

Trường hợp có thay đổi thông tin quan trọng ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản xin điều chỉnh thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin điều chỉnh trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành cho các Nhà đầu tư được biết.

Khoảng cách giữa các đợt chào bán không quá 12 tháng và việc chào bán Trái Phiếu chỉ được thực hiện sau khi (i) Tổ Chức Phát Hành nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp tục chào bán và (ii) công bố Thông Báo Phát Hành Trái phiếu ra công chúng.

### **16. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu**

- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP. HCM.
- Địa chỉ: Tòa nhà VBB, số 05 – Công trường Mê Linh, Quận 1, TP. HCM.
- Số tài khoản: 1023752050.
- Chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Bản Việt.

### **17. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ chức phát hành**

Ngày 31/03/2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 01/2021/TT-NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 17/05/2021. Theo đó, Thông tư số 01/2021/TT-NHNN không quy định phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của Tổ chức tín dụng phải có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

### **18. Các loại thuế có liên quan**

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể có ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hóa) phải tuân theo các quy định riêng.

#### **18.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân**

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015 và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi trái phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và
- Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

### **18.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp**

- Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/08/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/08/2015 sẽ nộp thuế Thu nhập Doanh Nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016.
- Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 và có hiệu lực ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:
  - ✓ Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ trái phiếu là 5%; và
  - ✓ Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu: 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng trái phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

### **19. Thông tin về các cam kết**

#### **19.1. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện chào bán, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư**

- Chào bán Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư phù hợp với các quy định của Các Điều Khoản, Điều Khoản Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu;
- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán Trái Phiếu quy định tại các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan tại Ngày Phát Hành;
- Tính toán tiền Lãi và/hoặc Gốc phải trả cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Thanh Toán Lãi, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác phù hợp

- với Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền Gốc, Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu;
  - Tạo điều kiện thuận lợi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi Người Sở Hữu Trái Phiếu có nhu cầu thanh toán, chuyển nhượng, sử dụng làm tài sản đảm bảo hoặc chiết khấu Trái Phiếu;
  - Đối với các Trái Phiếu chưa thực hiện lưu ký, nếu Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc bị phá hủy thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan được Tổ Chức Phát Hành cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái phiếu;
  - Giữ bí mật thông tin về số dư Trái Phiếu và các giao dịch về Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;
  - Báo cáo NHNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về giao dịch chào bán Trái Phiếu theo quy định của pháp luật;
  - Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong quá trình chào bán Trái Phiếu và khi thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chào bán Trái Phiếu. Nghĩa vụ này không áp dụng cho các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu giao dịch trên thị trường thứ cấp;
  - Sử dụng nguồn vốn huy động được từ việc chào bán Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu và quy định của pháp luật;
  - Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu, Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

#### **19.2. Cam kết về thực hiện niêm yết trái phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán**

- Sau khi kết thúc đợt chào bán, BVBank sẽ thực hiện niêm yết Các Trái phiếu, hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.
- BVBank sẽ duy trì việc niêm yết trái phiếu chứng nào còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

### **VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Căn cứ vào Quyết định số 34/24/BVBank/QĐ-HDQT ngày 26/03/2024 của Ngân hàng TMCP Bàn Việt về việc phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2024 – 2025, việc chào bán trái phiếu của Ngân hàng nhằm tăng cường nguồn vốn trung dài hạn, phục vụ hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu tín dụng của khách hàng, thỏa mãn các điều kiện bổ sung vốn cấp 2 theo thông tư 41/2016/TT-NHNN và các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

### **VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

#### **1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu**

BVBank dự kiến sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu để bổ sung nguồn vốn trung dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng, chi tiết như sau:

DVT: Tỷ đồng

<b>Đợt chào bán</b>	<b>MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN</b>	<b>SỐ TIỀN</b>	<b>TIỀN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN</b>
1	Bổ sung vốn cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng	1.500	Từ Quý 2/2024 – Quý 3/2024
2	Bổ sung vốn cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng	700	Từ Quý 3/2024 – Quý 4/2024
3	Bổ sung vốn cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng	600	Từ Quý 1/2025 – Quý 2/2025
4	Bổ sung vốn cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng	1.500	Từ Quý 3/2025
5	Bổ sung vốn cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng	700	Từ Quý 3/2025 – Quý 4/2025
6	Bổ sung vốn cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng	600	Từ Quý 4/2025 – Quý 1/2026
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.600</b>	

- Số tiền và thời gian thực tế giải ngân cho khách hàng phụ thuộc vào khối lượng Trái Phiếu chào bán thành công và tiến độ cho vay do TGD hoặc Người được TGD uỷ quyền triển khai thực hiện tùy theo nhu cầu của BVBank.
- Trường hợp số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, BVBank có thể sử dụng và bố trí nguồn vốn thông qua các kênh huy động vốn khác như: huy động tiền gửi từ dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác, ... phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đảm bảo và đáp ứng tối đa nhu cầu giải ngân/cho vay trên cơ sở đảm bảo mục tiêu cân đối, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của BVBank.

## 2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán Trái Phiếu

### 2.1. Nguồn trả nợ của Tổ Chức Phát Hành

#### 2.1.1. Nguồn trả nợ từ các khoản cho vay trung dài hạn của khách hàng

BVBank dự kiến sử dụng nguồn tiền thu được từ phát hành Trái phiếu để đáp ứng nhu cầu vay vốn trung dài hạn của khách hàng. Tổng nguồn tiền thu được từ việc chào bán sẽ được sử dụng tương ứng theo nhu cầu vay vốn của khách hàng, với tổng giá trị sử dụng (tính theo mệnh giá) là 5.600 tỷ đồng, được chia thành 6 đợt từ năm 2024 đến năm 2025.

Theo đó, các nguồn thu lãi và gốc từ việc cho vay khách hàng sẽ được sử dụng cho việc thanh toán lãi, gốc Trái phiếu cho các nhà đầu tư (lãi, gốc Trái phiếu chỉ được thanh toán với điều kiện không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của BVBank bị lỗ).

Nguồn trả nợ của BVBank được dự kiến trên cơ sở sử dụng nguồn tiền theo từng đợt chào bán tương ứng, cụ thể như sau:

- Nguồn trả nợ dự kiến khi sử dụng tiền từ việc chào bán đợt 1 năm 2024:

Dvt: tỷ đồng

Kỳ thu nợ (*)	Lãi suất cho vay dự kiến (%/năm) (*)	Dư nợ cho vay đầu kỳ	Lãi phải thu dự kiến	Vốn gốc thu hồi trong kỳ	Gốc + Lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ
1	10,00%	1.500	150	-	150	1.500
2	10,00%	1.500	150	-	150	1.500
3	10,00%	1.500	150	-	150	1.500
4	10,00%	1.500	150	-	150	1.500
5	10,00%	1.500	150	-	150	1.500
6	10,00%	1.500	150	1.500	1.650	-
<b>Tổng</b>			<b>900</b>	<b>1.500</b>	<b>2.400</b>	

- Nguồn trả nợ dự kiến khi sử dụng tiền từ việc chào bán đợt 2 năm 2024 trở đi, được tính theo nguyên tắc tương tự như nguồn trả nợ cho đợt chào bán thứ nhất năm 2024, như sau:  
 Đvt: tỷ đồng

Cho vay theo Đợt chào bán	Số Kỳ thu nợ (*)	Lãi suất cho vay dự kiến (%/năm) (*)	Dư nợ cho vay đầu kỳ	Lãi phải thu dự kiến mỗi kỳ	Tổng Lãi phải thu dự kiến	Vốn gốc thu hồi trong kỳ	Gốc + Lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ
2	8	10,00%	700	70	560	700	1.260	0
3	8	10,00%	600	60	480	600	1.080	0
4	8	10,00%	1.500	150	1.200	1.500	2.700	0
5	8	10,00%	700	70	560	700	1.260	0
6	8	10,00%	600	60	480	600	1.080	0

### 2.1.2. Nguồn trả nợ khác

Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản cho vay khách hàng chưa đủ để thanh toán lãi, gốc Trái phiếu cho nhà đầu tư, BVBank sẽ sử dụng các nguồn khác để trả nợ (sau khi trừ đi các chi phí với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của BVBank bị lỗ), bao gồm nhưng không giới hạn các nguồn như sau: nguồn huy động khác, nguồn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác.

### 2.2. Kế hoạch trả nợ của Tổ Chức phát hành

Theo kế hoạch kinh doanh của BVBank, tiền thu từ hoạt động của BVBank sau khi trừ đi các chi phí vẫn đủ để thanh toán các khoản lãi và nợ gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái phiếu đang dự kiến chào bán.

BVBank dự kiến chào bán với tổng giá trị (tính theo mệnh giá) là 5.600 tỷ đồng, được chia thành 6 đợt từ năm 2024 đến năm 2025. Do đó, kế hoạch trả nợ của BVBank dự kiến trên cơ sở số dư nợ được chào bán theo từng đợt tương ứng, cụ thể như sau:

- Kế hoạch trả nợ dự kiến theo giá trị chào bán đợt 1 năm 2024 như sau:

Đvt: tỷ đồng

Kỳ thanh toán (*)	Lãi suất chào bán dự kiến (%/năm) (*)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải trả dự kiến	Vốn gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải trả dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	7,90%	1.500	118,5	0	118,5	1.500
2	7,90%	1.500	118,5	0	118,5	1.500
3	7,90%	1.500	118,5	0	118,5	1.500
4	7,90%	1.500	118,5	0	118,5	1.500
5	7,90%	1.500	118,5	0	118,5	1.500
6	7,90%	1.500	118,5	1.500	1.618,5	0
<b>Tổng</b>			<b>711</b>	<b>1.500</b>	<b>2.211</b>	

- Kế hoạch trả nợ dự kiến theo giá trị chào bán từ đợt 2 năm 2024 trở đi, được tính theo nguyên tắc tương tự như kế hoạch trả nợ cho đợt chào bán thứ nhất năm 2024, như sau:

Dvt: tỷ đồng

Đợt chào bán	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất phát hành dự kiến (%/năm) (*)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải trả dự kiến mỗi kỳ	Tổng Lãi phải trả dự kiến	Vốn gốc trả cuối kỳ	Gốc + Lãi phải trả dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
2	8	7,90%	700	55,3	442,4	700	1.142,4	0
3	8	7,90%	600	47,4	379,2	600	979,2	0
4	8	7,90%	1.500	118,5	948,0	1.500	2.448,0	0
5	8	7,90%	700	55,3	442,4	700	1.142,4	0
6	8	7,90%	600	47,4	379,2	600	979,2	0

(\*) Ghi chú:

Bảng Nguồn trả nợ và Kế hoạch trả nợ vốn trên được xây dựng dựa trên các dự kiến sau:

- Dự kiến lãi suất trái phiếu của các đợt chào bán giữ nguyên là 7,9%/năm và được giữ nguyên trong quá trình lưu hành Trái phiếu, tương ứng với lãi suất dự kiến cho vay được giữ nguyên trong suốt quá trình là 10,0%/năm;
- Dự kiến kỳ hạn trái phiếu chào bán trong Đợt 1 là 6 năm và dự kiến kỳ hạn trái phiếu các đợt chào bán tiếp theo là 8 năm, tương ứng với thời hạn cho vay dự kiến từ các khoản cho vay là 6 kỳ của Đợt 1 và 8 kỳ cho các Đợt tiếp theo;
- Dự kiến tiến độ cho vay và giá trị chào bán của các đợt chào bán Trái phiếu đều thực hiện đúng kế hoạch theo phương án phát hành Trái phiếu BVBank ra công chúng năm 2024 – 2025 đã được phê duyệt;
- Dự kiến không phát sinh việc mua lại trái phiếu trước hạn trong thời gian lưu hành Trái phiếu, tương ứng với dự kiến không phát sinh việc trả nợ trước hạn từ các khách hàng vay vốn;
- Dự kiến kỳ thanh toán tròn năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

## IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:

### 1. Tổ chức kiểm toán

✓ **CÔNG TY TNHH KPMG (THỰC HIỆN KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022)**

- Địa chỉ chi nhánh TPHCM: Tòa nhà Sun Wah, lầu 10, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 01, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3821 9266 Fax: (028) 3821 9267.

✓ **CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM (THỰC HIỆN KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2023)**

- Địa chỉ: Trung tâm Tài chính Bitexco, tầng 20, số 2 Hải Triều, Quận 01, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250.

### 2. Tổ chức tư vấn và Đại lý phân phối

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 03, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028)7300 3751.
- Website: [www.acbs.com.vn](http://www.acbs.com.vn)

#### ➤ Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán:

Với vai trò là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, trên cơ sở những thông tin từ Tổ Chức Phát Hành, phương án phát hành và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) đã tiến hành khảo sát, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành. Ngoại trừ trường hợp không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến các đợt chào bán, thì kế hoạch chào bán Trái phiếu mà Tổ Chức Phát Hành đưa ra là có thể thực hiện được và có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của kế hoạch chào bán. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành, do đó các nhà đầu tư cần tự nghiên cứu một cách cẩn trọng và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định đầu tư của mình.

#### ➤ Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán:

Không có.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

**X. PHỤ LỤC**

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023;
2. Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992 và các Quyết định sửa đổi;
3. Quyết định số 34/24/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 26/03/2024 của Hội đồng quản trị BVBank về việc phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2024-2025;
4. Quyết định số 77/24/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 15/05/2024 của Hội đồng quản trị BVBank về việc thông qua kế hoạch trả nợ vốn chi tiết và hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2024 - 2025;
5. Quyết định số 151A/24/BVBank/QĐ-TC ngày 15/05/2024 của Tổng Giám Đốc về việc triển khai phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2024-2025 (Đợt 1);
6. Quyết định số 312A/24/BVBank/QĐ-TC ngày 23/07/2024 của Tổng Giám Đốc về việc tiếp tục triển khai kế hoạch phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2024-2025;
7. Công văn số 873/24/BVBank/CV-TC ngày 27/03/2024 của BVBank về việc cam kết thực hiện nghĩa vụ đối với nhà đầu tư;
8. Điều lệ của Ngân hàng ngày 14/05/2024;
9. Báo cáo tài chính năm 2022, 2023 (đã kiểm toán) và Quý 2 năm 2024 (bao gồm riêng lẻ và hợp nhất).

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

**BVBank**  
Ngân hàng Bản Việt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ ANH TÀI

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ QUANG TRUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÝ CÔNG NHA

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**ACBS**



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Đức Hoàn*



Handwritten text at the bottom of the page, possibly a signature or date, which is mostly illegible.